

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 519/2012/QĐ-YHP
ngày 06 tháng 06 năm 2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Hải Phòng)*

HẢI PHÒNG - NĂM 2012



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 519/2012/QĐ-YHP
ngày 06 tháng 06 năm 2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Hải Phòng)*

HẢI PHÒNG - NĂM 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

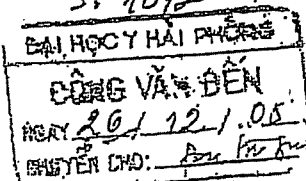
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11759/BGD&ĐT-ĐH&SDH

V/v: đào tạo đại học hệ vừa
làm vừa học về Điều dưỡng

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2005

S. 1012



KÍNH GỬI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được Tờ trình số 308/YHP-ĐT ngày 04/11/2005 của Trường Đại học Y Hải Phòng đề nghị cho phép trường đào tạo đại học ngành Điều dưỡng theo phương thức vừa làm vừa học (hệ tại chức cũ) từ năm 2006. Về đề nghị này, Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

1. Nhất trí với đề nghị của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc đào tạo đại học ngành Điều dưỡng theo phương thức vừa làm vừa học (hệ tại chức cũ) từ năm 2006.
2. Chỉ tiêu đào tạo hàng năm của ngành học này trong tổng chỉ tiêu Nhà nước giao do Bộ Y tế phân cho trường. Để bảo đảm chất lượng đào tạo, khoá tuyển sinh năm 2006, trường chỉ nên tuyển sinh khoảng 50 sinh viên.
3. Trường Đại học Y Hải Phòng tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, xét và công nhận tốt nghiệp đối với loại hình đào tạo theo phương thức vừa làm vừa học (hệ tại chức cũ) theo những quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đảm bảo các chuẩn chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- Vụ KH-TC;
- Lưu VT, Vụ ĐH&SDH.

T/L BỘ TRƯỞNG
K/T VỤ TRƯỞNG VỤ ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC



Phan Mạnh Tiến

Số: 2569/QĐ - BGDĐT

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Điều dưỡng**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ và cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học và Thông tư số 08/2015/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 4 năm 2015 sửa đổi bổ sung một số điều quy định điều kiện đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học ngành Điều dưỡng.

Điều 2. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của ngành học nêu trên nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh liên thông của Trường. Việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng tốt nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Y tế (để phối hợp);
- Lưu VT, Vụ GDĐH



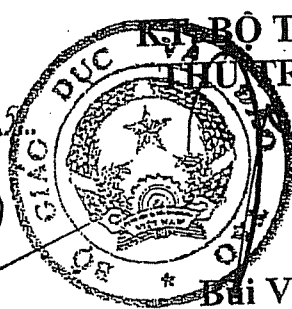
SAO LỤC

HẢI PHÒNG, NGÀY 27.10.2015

TR. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

TS. Nguyễn Văn Khải



Bùi Văn Ga

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y
HẢI PHÒNG

Số: 519/QĐ-YHP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bổ sung Khung chương trình đào tạo theo niên chế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 72/YHP-QĐ ngày 26/02/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng về việc ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học theo niên chế;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 24/5/2012 của Hội đồng Khoa học – Giáo dục Trường Đại học Y Hải Phòng về việc thông qua các chương trình đào tạo theo niên chế;
Theo đề nghị của bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bổ sung Khung chương trình đào tạo theo niên chế của Trường Đại học Y Hải Phòng đối với các ngành sau:

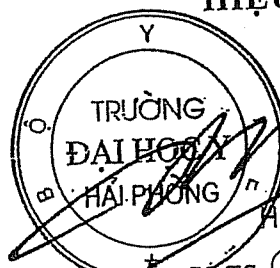
- Bác sĩ Đa khoa hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Bác sĩ Răng hàm mặt hệ Chính quy;
- Bác sĩ Y học dự phòng hệ Chính quy;
- Dược sĩ đại học hệ Chính quy;
- Cử nhân Điều dưỡng hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học;
- Cử nhân Kỹ thuật Y học hệ Chính quy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ; Đào tạo Đại học; Tài chính kế toán; Hành chính tổng hợp; Công tác chính trị; Trưởng các Khoa và Bộ môn trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: HC; ĐTDH;



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Điều dưỡng
Mã ngành đào tạo: 52720501
Loại hình đào tạo: Liên thông Vừa làm vừa học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 519/2012/QĐ-YHP
ngày 06 tháng 06 năm 2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Hải Phòng)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có y đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khoẻ; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.
- Trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp. Tôn trọng quyền của người bệnh.
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức:

- Có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng;
- Nắm vững các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm; có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Nắm vững các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Có phương pháp luận khoa học trong các công tác chuyên môn và nghiên cứu.

Về kỹ năng

- Thực hiện đầy đủ và thành thạo, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.

- Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ.

- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

- Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh. Có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hiện các mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe.

- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.

- Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch.

- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.

- Áp dụng Y học cổ truyền trong công tác chăm sóc và phòng bệnh.

- Tham gia công tác quản lý ngành, thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng, tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế.

- Đạt trình độ ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và tin học theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo

Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Các cơ quan quản lý về y tế.

- Các cơ sở y tế, các bệnh viện.

- Các viện nghiên cứu, các Trường đại học, cao đẳng và một số ban ngành có nhu cầu sử dụng Cử nhân Điều dưỡng đại học.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 ĐVHT

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng khối ngành sức khỏe.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Áp dụng “Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ niên chế”, ban hành kèm theo Quyết định số 72/YHP-QĐ ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng và “Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy” ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: 4 (qui đổi từ thang điểm 10)

Thực hiện theo “Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy” ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT	Ghi chú
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu: (không kể học phần: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)	33	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó - Kiến thức cơ sở ngành - Kiến thức ngành - Kiến thức bổ trợ (tự chọn): - Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khoá luận)	31 49 3 10	
Tổng cộng:		126	

7.2. Khung chương trình giáo dục

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 33 ĐVHT (30 LT- 3 TH)

Thứ tự	Môn học	Số ĐVHT		
		Tổng	LT	TH
CÁC MÔN CHUNG				
1	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	3	3	0
2	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3	0
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
4	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	3	0
5	Ngoại ngữ	5	5	0
6	Tin học	2	2	0
CÁC MÔN CƠ SỞ KHỐI NGÀNH				
7	Hoá đại cương	2	2	0
8	Lý sinh y học	3	2	1
9	Sinh học đại cương	2	1	1
10	Di truyền y học	3	2	1
11	Xác suất thống kê y học	3	3	0
12	Tâm lý - Đạo đức y học	2	2	0
	Tổng cộng	33	30	3

* Chưa tính môn học/học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh

7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

7.2.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành: 31 ĐVHT (22 LT – 9 TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	Số ĐVHT		
		Tổng	LT	TH
1.	Dịch tễ học	3	2	1
2.	Sức khoẻ môi trường	2	2	0
3.	Giáo dục sức khoẻ	1	1	0
4.	Tổ chức và Quản lý y tế	1	1	0
5.	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0
6.	Dược lý	3	2	1
7.	Giải phẫu	3	2	1
8.	Hóa sinh	3	2	1
9.	Ký sinh trùng	2	1	1
10.	Vi sinh	3	2	1
11.	Mô học	2	1	1
12.	Sinh lý	3	2	1
13.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	1
Tổng cộng		31	22	9

7.2.2.2. Kiến thức ngành : 49 ĐVHT (28 LT - 21TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	Số ĐVHT		
		Tổng	LT	TH
1.	Điều dưỡng cơ bản 1	4	2	2
2.	Điều dưỡng cơ bản 2	4	2	2
3.	Điều dưỡng Sản phụ khoa	3	2	1
4.	Kế hoạch hoá gia đình	2	2	0
5.	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	3	1	2
6.	Điều dưỡng Nội khoa	6	4	2
7.	Điều dưỡng Ngoại khoa	6	4	2
8.	Điều dưỡng Nhi	3	2	1
9.	Phục hồi chức năng	2	1	1
10.	Thần kinh	2	1	1
11.	Lao & bệnh phổi	2	1	1
12.	Da liễu	2	1	1
13.	Tai mũi họng	2	1	1
14.	Mắt	2	1	1
15.	Răng hàm mặt	2	1	1
16.	Tâm thần	2	1	1
17.	Truyền nhiễm	2	1	1
Tổng cộng		49	28	21

7.2.2.3. Kiến thức bổ trợ: 13 ĐVHT (7 LT - 6 TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	Số ĐVHT		
		Tổng	LT	TH
1.	Quản lý Điều dưỡng và Nghiên cứu điều dưỡng	3	2	1
2.	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	10	5	5
	Tổng cộng	13	7	6

HIỆU TRƯỞNG

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT THEO NIÊN CHẾ
MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN**

1. Mã số: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2. Số đơn vị học trình: 6 ĐVHT

3. Số tiết học: Lý thuyết: 90 tiết; Thực hành: 0

4. Đối tượng sinh viên: Chuyên tu, Vừa học vừa làm

5. Số lần kiểm tra: 03 lần

6. Giảng viên giảng dạy:

- Ths Đào Nguyên Hùng
- Ths Hoàng Thị Minh Hương
- Ths Trịnh Thị Thủy
- Ths. Trần Thị Thanh Loan

7. Mục tiêu môn học:

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng Việt nam, hiểu biết được nền tảng tư tưởng của Đảng
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên
- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

7. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	<i>Chương mở đầu:</i> Nhập môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	2	0
2	<i>Chương I:</i> Chủ nghĩa duy vật biện chứng	18	0
3	<i>Chương II:</i> Phép biện chứng duy vật	15	0
4	<i>Chương III:</i> Chủ nghĩa duy vật lịch sử	10	0
5	<i>Chương IV:</i> Học thuyết giá trị	10	0
6	<i>Chương V:</i> Học thuyết giá trị thặng dư	10	0

7	Chương VI: CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước	4	0
8	Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của GCCN và cách mạng XHCN	10	0
9	Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN	10	0
10	Chương IX: CNXH hiện thực và triển vọng	1	0
Tổng		90	0

8. Phương pháp dạy học: kết hợp phương pháp truyền thống với phương pháp giảng dạy tích cực.

9. Lượng giá:

- Kiểm tra thường xuyên: Tự luận, vấn đáp trên lớp
- Thi hết môn: Thi viết tự luận 90 phút (không sử dụng tài liệu- với sinh viên chính quy), tự luận 60 phút (được sử dụng tài liệu- với chuyên tu, vừa học vừa làm)

10. Tài liệu học tập:

- Giáo trình môn Triết học Mác – Lênin do Bộ GDĐT xuất bản
- Giáo trình môn Kinh tế chính trị do Bộ GDĐT xuất bản
- Giáo trình môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin do Bộ GDĐT xuất bản.

11. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Lý luận Chính trị

12. Đối tượng sinh viên học

STT	ĐỐI TƯỢNG	TÊN MÔN HỌC	SỐ ĐVHT	LT	TH
1	CTU ĐA KHOA	NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN	6	90 Tiết	
2	CTU DƯỢC		6	90 Tiết	
3	VLVH ĐIỀU DƯỠNG		6	90 Tiết	

BAN GIÁM HIỆU

Hải Phòng, ngày 24 tháng 01 năm 2012

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Nguyễn Tiên Trương
Nguyễn Tiên Trương

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT THEO NIÊN CHẾ
MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

1. Mã số: TT HỒ CHÍ MINH

2. Số đơn vị học trình: Lý thuyết: 2 ĐVHT

3. Số tiết học: Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0

4. Số lần kiểm tra: 02 lần

5. Cán bộ giảng dạy:

- Ths Nguyễn Tiến Trường

- Ths Nguyễn Ngọc Mạnh

6. Mục tiêu môn học:

- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Củng cố cho sinh viên lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Trên cơ sở kiến thức đã học, sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp cho sự nghiệp cách mạng theo con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

7. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	<i>Chương mở đầu</i> Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	0
2	<i>Chương I</i> Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	0
3	<i>Chương II</i> Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	4	0
4	<i>Chương III</i> Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	4	0

5	<i>Chương IV</i> Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	4	0
6	<i>Chương V</i> Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	4	0
7	<i>Chương VI</i> Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân	4	0
8	<i>Chương VII</i> Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới	5	0
	TỔNG	30	

8. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận, Trình chiếu...

9. Lượng giá

- Tự luận 60 phút (được sử dụng tài liệu- với chuyên tu, vừa học vừa làm)

10. Tài liệu học tập

- Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Bộ GD&ĐT, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2012

- Tập bài giảng do Bộ môn biên soạn.

11. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Lý luận Chính trị

12. Đối tượng sinh viên học

STT	ĐỐI TƯỢNG	TÊN MÔN HỌC	TỔNG SỐ ĐVHT	LT	TH
1	CTU ĐA KHOA	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	2	30 Tiết	
2	CTU DƯỢC		2	30 Tiết	
3	VLVH ĐIỀU DƯỠNG		2	30 Tiết	

BAN GIÁM HIỆU

Hải Phòng, ngày 24 tháng 01 năm 2012

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chừ*

Nguyễn Tiên Trương
Nguyễn Tiên Trương

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT THEO NIÊN CHẾ
MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

1. Mã số: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Số đơn vị học trình: Lý thuyết: 3 ĐVHT

3. Số tiết học: 45 tiết; Thực hành: 0

3. Đối tượng: Chuyên tu, Vừa học vừa làm

4. Số lần kiểm tra: 03 lần Số chứng chỉ:

5. Cán bộ giảng dạy

- Ths Nguyễn Tiến Trường

- Ths Nguyễn Ngọc Mạnh

- Ths Nguyễn Mỹ Chinh

6. Mục tiêu môn học:

- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ Đổi mới.

- Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.

7. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết C.tu, VHVL	
		LT	TH
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0
2	Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên	6	0
3	Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)	4	0

4	Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975)	8	0
5	Chương IV: Đường lối công nghiệp hóa	5	0
6	Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	5	0
7	Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị	5	0
8	Chương VI: Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội	6	0
9	Chương VII: Đường lối đối ngoại	4	0

8. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận nhóm, Trình chiếu...

9. Lượng giá:

- Tự luận 90 phút (không sử dụng tài liệu- với sinh viên chính quy)
- Tự luận 90 phút (được sử dụng tài liệu - hệ chuyên tu, vừa học vừa làm)

10. Tài liệu học tập và tham khảo:

* Tài liệu học tập

- Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ GD&ĐT, NXB Chính trị Quốc gia- Hà Nội- 2012

- Tập bài giảng do Bộ môn biên soạn.

* Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ GD&ĐT, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008

- Văn kiện Đảng toàn tập.

11. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Lý luận Chính trị

12. Đối tượng sinh viên học

STT	ĐỐI TƯỢNG	TÊN MÔN HỌC	TỔNG SỐ ĐVHT	LT	TH
1	CTU ĐA KHOA	ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	3	45 Tiết	
2	CTU DƯỢC		3	45 Tiết	
3	VLVH ĐIỀU DƯỠNG		3	45 Tiết	

BAN GIÁM HIỆU

Hải Phòng, ngày 24 tháng 01 năm 2012

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Nguyễn Tiên Trương
Nguyễn Tiên Trương

Hải Phòng, ngày 15 tháng 09 năm 2012

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

(Hệ Cử nhân Điều dưỡng Tại chức - 4 năm)

MÔN HỌC: NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

1. Mã số: NN
2. Số đơn vị học trình: 05
3. Số tiết học: 75
4. Số lần kiểm tra: 02 Số chứng chỉ: 01
(01 bài kiểm tra điều kiện giữa kỳ, và 01 bài kiểm tra viết cuối kỳ)
5. Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa
6. Cán bộ tham gia giảng dạy:
 - GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
 - GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
 - GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
 - GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
 - GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
 - GV Ths. Phạm Bích Ngọc
 - GV Cn. Đỗ Phương Linh Chi
 - GV Cn. Dương Gia Đức
7. Mục tiêu môn học:
 - Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
 - Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

8. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Số tiết
1	– Introduction of the course. – Unit 1. How to examine a sick person	4
2	Unit 2. General condition of health 1/2 Unit 3. Temperature	4
3	1/2 Unit 3. Temperature Unit 4. Respiration	4
4	Unit 5. The eyes 1/2 Unit 6. Ears, nose and throat	4
5	1/2 Unit 6. Ears, nose and throat Unit 7. Shock	4
6	Unit 8. Hepatitis	4
7	Unit 9. Dehydration	4
8	Unit 10. Infected eyes in newborn babies	4
9	Unit 11. Anemia	4
10	Unit 12. Better foods at low cost Mid-term Test	4
11	Unit 13. Malnutrition	4
12	Unit 14. Glaucoma	4
13	Unit 15. Tetanus	4
14	Unit 16. Whooping cough	4
15	Unit 17. Heart trouble	4
16	Unit 18. Trachoma	4

STT	Tên bài	Số tiết
17	Unit 19. Stroke	4
18	Unit 20. Amebas	4
19	CONSOLIDATION	3

75

9. Phương pháp dạy học:

- _ Thuyết trình, phát vấn
- _ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- _ Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- _ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa

11. Lượng giá:

11.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

11.2. Kiểm tra - đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần):

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.

- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp

- Bài kiểm tra giữa kỳ: được tổ chức đồng loạt cho tất cả các lớp. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi kết thúc học phần.

11.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:

_ 01 bài thi Viết: Dạng bài thi viết tự luận 120 phút

_ Điểm thi Viết là điểm thi kết thúc học phần.

12. Tài liệu học tập:

Giáo trình Let's examine the text

13. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

BỘ MÔN NGOẠI NGỮ



Th.S. *Nguyễn Chi Hiền*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN: HOÁ ĐẠI CƯƠNG
ĐỐI TƯỢNG : ĐIỀU DƯỠNG LIÊN THÔNG

1. Mã số môn học: Hóa Đại cương
2. Số đơn vị học trình: 2 đvht; Lý thuyết: 2; thực hành: 0
3. Số tiết học: 30 Lý thuyết: 30 tiết; thực hành: 0 tiết
4. Số lần thi: 1 Số chứng chỉ: 1
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa học để có khả năng:
 1. Trình bày được cấu tạo hoá học của các hệ vật chất
 2. Giải thích được cơ chế, điều kiện phản ứng nhờ áp dụng các định luật của quá trình hóa học.
 3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá đại cương trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.
6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên chương – Bài học	Số tiết
1	Cấu tạo nguyên tử	4
2	Cấu tạo phân tử	4
3	Dung dịch	4
4	Nhiệt động học	4
5	Động hóa học	4
7	Hữu cơ (đại cương)	4
8	Hydrocacbon, hợp chất chứa oxi	4
9	Hợp chất chứa nitơ	2

Cộng	30
------	----

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- Thảo luận nhóm.

Thực hành: - bắt tay chỉ việc, kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

8. Lượng giá:

- Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

9. Tài liệu học tập:

Hóa Đại cương , ĐH Y Hà Nội

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá học - ĐHYHP

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- PGS.TS Vũ thị Kim Loan

- TS Bùi Ngọc Tân

- TS Nguyễn Văn Dưỡng

- Th.S Nguyễn Thị Hương

- Th.S Ngô Thanh Hương

- Th.S Nguyễn Thị Cúc

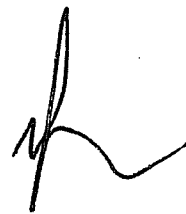
11. Cơ sở vật chất: Giảng đường, máy chiếu, trang thiết bị hóa chất.

Ban Giám hiệu



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Trưởng Bộ môn



Vũ Thị Kim Loan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT LÝ SINH Y HỌC

ĐỐI TƯỢNG: ĐIỀU DƯỠNG TẠI CHỨC

I. Thông tin về môn học

1. Mã số:
2. Số đơn vị học trình: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
3. Số tiết học: Lý thuyết: 30 Thực hành : 30
4. Số lần kiểm tra: 2 Số chứng chỉ:
5. Mô tả về môn học

Môn học Y Vật lý – Lý sinh bao gồm 2 đơn vị học trình lý thuyết và 1 đơn vị học trình thực hành. Trong đó:

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường với hình thức thuyết trình có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết kiến thức trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài thực hành thông qua các bài kiểm tra lượng giá (trắc nghiệm hoặc vấn đáp,...).

6. Mục tiêu môn học:

- 6.1. Vận dụng các định luật vật lý và hóa lý để giải thích các quá trình hóa lý xảy ra trong cơ thể sống
- 6.2. Trình bày được một số kiến thức y vật lý cơ bản và những ứng dụng của nó trong chẩn đoán, thăm dò chức năng và điều trị.
- 6.3 Thực hiện được một số phương pháp đo lường trong vật lý – lý sinh tại phòng thực tập.
- 6.4 Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác và khoa học trong học tập.

7. Thông tin giảng viên:

- Th.S Nguyễn Phú Nghĩa
- Th.S Phạm Thị Vân
- Th.S Nguyễn Thị Hiền
- Th.S Hà Minh Tâm
- Th.S Mai Thị Là
- Th.S Đào Việt Phương

II. Nội dung môn học:

STT	Tên bài học	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	Nhiệt độ và nhiệt lượng	2	
2	Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học	4	
3	Nguyên lý thứ hai nhiệt động học	2	
4	Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sống	2	
5	Sự vận chuyển máu trong cơ thể	3	
6	Sự vận chuyển khí trong cơ thể	3	
7	Các loại điện thế sinh vật	2	
8	Ghi điện sinh học	2	
9	Tác dụng sinh vật của dòng điện và ứng dụng trong điều trị	2	
10	Bản chất vật lý của âm và siêu âm	2	
11	Ứng dụng của âm và siêu âm trong y học	2	
12	Bản chất của ánh sáng. Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống	4	
13	Tính thấm màng tế bào da ếch		4
14	Ảnh hưởng của các ion K, Zn lên hoạt động của bó xoang		4
15	Đo nhiệt dung riêng của chất lỏng		2
16	Kỹ thuật ghi đo điện tâm đồ		4
17	Tác dụng của dòng điện một chiều và phương pháp điện châm .		
18	Xác định thị trường của mắt		4
19	Đo ngưỡng nghe		4
20	Chẩn đoán hình ảnh bằng siêu âm		4
21	Đo gia tốc trọng trường bằng con lắc vật lý		4
	Tổng số	30	30

III. Phương pháp dạy học:

- Truyét trình Truyét trình, trình chiếu
- Thảo luận
- Hoạt động theo nhóm
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm

IV. Lượng giá:

1 Kiểm tra, đánh giá ban đầu: Giảng viên thăm hỏi sinh viên bằng những câu hỏi nhỏ.

2. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình:

- *Chuyên cần*: sinh viên tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bộ môn đầy đủ, tích cực.

- *Kiểm tra thường xuyên*: sinh viên hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên đã giao.

3 Kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần môn:

-Dựa trên kết quả thi kết thúc môn: tự luận

(ĐG ban đầu và ĐG quá trình là điều kiện thi kết thúc môn học)

V. Tài liệu học tập:

Bài giảng lý sinh do bộ môn soạn

Bài thực hành do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo:

Lý sinh Y học – Trường đại học Y Hà Nội 1998, 2005, 2015

Vật lý đại cương - Trường đại học Dược Hà Nội 2008

Lý sinh cử nhân điều dưỡng - Phan Sỹ An, 2012

VI. Cơ sở vật chất:

1. *Học phần lý thuyết:* giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

2. *Học phần thực hành:* phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

**XÁC NHẬN CỦA
TRƯỞNG BỘ MÔN**

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Ch�c*

[Signature]
Th.S Nguyễn Phú Nghĩa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG
ĐỐI TƯỢNG: CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG TẠI CHỨC

1. Mã số môn học: Sinh học đại cương
2. Số đơn vị học trình: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
3. Số tiết học: Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
4. Số lần thi: Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
5. Mục tiêu:
 - 1) Trình bày được cấu trúc, chức năng của tế bào và các hoạt động sống cơ bản của cơ thể sống.
 - 2) Trình bày được cơ sở di truyền trong tế bào và các qui luật di truyền cơ bản ở sinh vật.
 - 3) Trình bày được quá trình phát triển cá thể ở động vật.
 - 4) Trình bày được phân loại đột biến và cơ chế phát sinh đột biến.

6. Nội dung chi tiết

LÝ THUYẾT

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT
1	<p><u>Sinh học tế bào</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp nghiên cứu tế bào. - Cấu trúc và chức năng màng, các bào quan và nhân tế bào. - Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào. - Sự vận động của tế bào. 	04 tiết
2	<p><u>Di truyền học</u></p> <p>I. Cơ sở vật chất di truyền: ADN, ARN, tổng hợp Protein và cơ chế điều hoà hoạt động của gen.</p> <p>II. Các cơ chế di truyền cơ bản ở sinh vật: di truyền đơn gen, đa gen đa nhân tố, các tính trạng bị hạn chế bởi giới và bị ảnh hưởng bởi giới tính.</p>	03 tiết
3	<p><u>Sinh học phát triển các thể:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phân chia của tế bào, sự tạo tinh và tạo trứng ở người. - Các phương thức sinh sản ở sinh vật. - Các giai đoạn phát triển cá thể và phát triển phôi. - Các cơ chế điều khiển quá trình phát triển cá thể. 	05 tiết

	- Sự tái sinh ở sinh vật.	
4	<u>Đột biến:</u> - Phân loại đột biến. - Cơ chế đột biến đa bội, lệch bội. - Cơ chế đột biến cấu trúc NST. - Đột biến gen.	03 tiết
	Tổng số giờ:	15 tiết

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Sử dụng kính hiển vi quang học	4
2	Hình dạng tế bào, nhân tế bào.	4
3	Trao đổi chất qua màng tế bào, sự vận động của tế bào	4
4	Cấu trúc hiển vi và siêu hiển vi của màng, bào quan và nhân của tế bào	4
5	Nhiễm sắc thể của một số loài	4
6	Phân bào nguyên nhiễm ở tế bào động – thực vật	4
7	Phân bào giảm nhiễm– các tế bào sinh dục - sự phát triển phôi.	4
8	Ôn tập	2
	Tổng số	30

7. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

8. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
 - Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.

○ Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.

✓ Kết quả môn học: = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

9. Cơ sở vật chất:

✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu

✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

10. Giảng viên tham gia giảng dạy: Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Nguyễn Thị Tươi, Nguyễn Thị Hải, Lê Thị Thu Huyền, Phạm Thị Hồng Thúy.

11. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Sinh học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2014), *Thực tập Sinh học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Tài liệu tham khảo:

1. Neil A. Campbell và cs. (2008), *Sinh học*, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Hồ Huỳnh Thùy Dương (1997), *Sinh học phân tử*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 2)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
5. Ngô Giang Liên (1993), *Thực tập Tế bào học*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
6. Trịnh Văn Bảo và cs. (2005), *Thực tập Sinh học*, Nhà xuất bản Y học.
7. Đỗ Kính (2008), *Phôi thai học: thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2014

Trưởng bộ môn



TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN DI TRUYỀN Y HỌC
ĐỐI TƯỢNG: CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG TẠI CHỨC

1. Mã số môn học: Di truyền y học
2. Số đơn vị học trình: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
3. Số tiết học: Lý thuyết: 30 Thực hành: 28
4. Số lần thi: Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
5. Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương, mô học, sinh lý, sinh hóa, miễn dịch, sinh lý bệnh
6. Mục tiêu:
 - 1) Trình bày được các phương pháp nghiên cứu DT y học và ứng dụng.
 - 2) Nêu được đặc điểm bộ gen người, bộ NST người và một số kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học.
 - 3) Trình bày được các nguyên lý di truyền cơ bản chi phối các tính trạng, bệnh di truyền của người.
 - 4) Giải thích được nguyên nhân, cơ chế phát sinh một số bệnh tật di truyền ở người và nhận biết được dấu hiệu lâm sàng của một số bệnh tật di truyền ở người.
 - 5) Chỉ định được một số xét nghiệm di truyền cần thiết.
 - 6) Nêu được một số phương hướng điều trị, phòng bệnh di truyền ở người và tư vấn di truyền.

7. Nội dung chi tiết

LÝ THUYẾT

STT	Nội dung bài giảng	Số giờ
1	Phần 1: Các phương pháp nghiên cứu di truyền y học phả hệ, nếp vân da, tế bào học, sinh đôi, di truyền học quần thể người...	2
2	Phần 2: Bộ gen - bộ NST người và một số kỹ thuật DT y học - Khái quát về bộ gen người. - Tiêu chuẩn xếp loại NST người. - Các phương pháp nhuộm tiêu bản NST người - Kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học	2
3	Phần 3: Nhiễm sắc thể giới tính và vật thể giới tính ở người - NST giới tính và chức năng. - Vật thể giới tính Barr, Drumstic, vật thể Y và ứng dụng.	2

4	<p>Phần 4:</p> <p>1. Các tính trạng và bệnh di truyền đơn gen ở người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại bệnh rối loạn vật chất DT ở người - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên nhiễm sắc thể thường & đặc điểm. - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên nhiễm sắc thể giới tính & đặc điểm. 	2
5	<p>2. Di truyền nhóm máu ở người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Di truyền nhóm máu ABO. - Di truyền nhóm máu Rh. - Di truyền nhóm máu MN... - Di truyền hệ kháng nguyên HLA. 	2
6	<p>Phần 5: Các tính trạng và bệnh di truyền đa gen và đa nhân tố ở người và đặc điểm</p>	2
7	<p>Phần 6: Bất thường bẩm sinh</p> <p>Khái niệm; nguyên nhân, cơ chế gây BTBS, các giai đoạn tác động gây BTBS</p>	2
8	<p>Phần 7: Di truyền ung thư</p> <p>Đặc điểm sinh học của tế bào ung thư; nguyên nhân, cơ chế và cơ sở sinh học gây ung thư.</p>	2
9	<p>Phần 8: Bệnh học NST ở người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bệnh lệch bội NST: Down, Patau, Turner, Klinerfelter... - Các bệnh đột biến cấu trúc NST: hội chứng "mèo kêu", Down chuyển đoạn, NST Philadelphia, Fragyl X... - Hiện tượng lưỡng giới: giả, thật ở người (tham khảo tài liệu). 	6
10	<p>Phần 9: Đột biến gen và Di truyền bệnh phân tử ở người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại bệnh đột biến gen - Các bệnh rối loạn phân tử Protein không là men : bệnh về hemoglobin; Bệnh về các yếu tố đông máu. - Các bệnh rối loạn phân tử Protein là men: rối loạn chuyển hoá đường; chuyển hoá a. amin; chuyển hoá Lipit. 	6

	Phần 10: Phương pháp phòng và điều trị bệnh di truyền - Phương hướng điều trị bệnh DT. - Phương hướng phòng bệnh DT. - Các phương pháp sàng lọc bệnh tật di truyền và chẩn đoán trước sinh. - Tư vấn di truyền: đối tượng, các nguyên tắc thực hiện, lời khuyên di truyền.	2
	Tổng số giờ chuẩn	30

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Phân tích nếp vân da bàn tay. Khảo sát con sinh đôi, di truyền quần thể.	4
2	Vật thể giới – cách làm tiêu bản tế bào niêm mạc miệng để xét nghiệm vật thể Barr	4
3	Nghiên cứu di truyền đơn gen bằng phương pháp lập gia hệ	4
4	Kỹ thuật làm tiêu bản phân tích bộ NST người	4
5	Phương pháp lập và phân tích bộ NST người	4
6	Quan sát và kết luận hình ảnh lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh di truyền người.	4
7	Ôn tập	4
	Tổng	28

8. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

9. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
 - Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
 - Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời tự luận
Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.

✓ Kết quả môn học: = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

10. Cơ sở vật chất:

- ✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu
- ✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

11. Giảng viên tham gia giảng dạy: Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Nguyễn Thị Tươi, Nguyễn Thị Hải, Lê Thị Thu Huyền, Phạm Thị Hồng Thúy

12. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2014), *Thực tập Di truyền Y học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Thài liệu tham khảo:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2006), *Thực tập Di truyền Y học*, Nhà xuất bản Y học.
2. Neil A. Campbell và cs. (2008), *Sinh học*, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. Hồ Huỳnh Thùy Dương (1997), *Sinh học phân tử*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. Đái Duy Ban (1998), *Công nghệ DNA trong điều trị gen các bệnh hiếm nghèo*, Nhà xuất bản Y học.
5. Đái Duy Ban (2003), *Sinh học phân tử của ung thư vòm họng*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
6. Lê Văn Trức (2002), *Trắc nghiệm Di truyền học đại cương*, Nhà xuất bản Thanh niên.
7. *Nguyên nhân và phân loại tật bẩm sinh ở người* (2011), Nhà xuất bản Y học.
8. Chu Văn Mẫn và cs (2002), *Di truyền người*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
9. Nguyễn Việt Nhân, Hà Thị Minh Thi (2005), *Di truyền Y học*, Đại học Huế.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2014
Trưởng bộ môn



TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiêu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Năm học: 2012 – 2013

- Tên môn học: **Xác suất - Thống kê Y học**
- Đối tượng: **Cử nhân điều dưỡng hệ VLVH K4**
- Tên bộ môn giảng dạy: **Bộ môn Toán – Tin học ĐHYHP**
- Số đơn vị học trình: **3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 0)**
- Số tiết học: **45 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)**
- Môn học tiên quyết: **Toán cao cấp**
- Cán bộ giảng dạy: **ThS. Nguyễn Tiến Thắng**

I. Mục tiêu học tập:

1. Nhận thức được vai trò của xác suất thống kê trong việc đánh giá khách quan các kết quả thực nghiệm.
2. Áp dụng được các phương pháp thống kê cơ bản trong việc xử lý các kết quả thực nghiệm, xử lý dữ liệu thu thập trong các đề tài NCKH.
3. Rèn luyện khả năng tư duy logic cho học viên.

II. Nội dung học tập:

STT	Tên bài	Số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Giới thiệu về lý thuyết xác suất và thống kê toán học. Vai trò của xác suất thống kê trong nghiên cứu Y học. Hiện tượng ngẫu nhiên và xác suất của hiện tượng ngẫu nhiên: phép thử ngẫu nhiên, không gian mẫu, hiện tượng ngẫu nhiên, mối quan hệ giữa các hiện tượng ngẫu nhiên, định nghĩa xác suất (định nghĩa cổ điển, định nghĩa theo tần	5	

	suất, định nghĩa theo hình học), tính chất của xác suất.		
2	Các công thức xác suất: công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ và Bayes, công thức Bernoulli. Các tham số xét nghiệm: xác suất chẩn đoán đúng, giá trị của dương tính, giá trị của âm tính, độ nhạy, độ đặc hiệu.	5	
3	Đại lượng ngẫu nhiên: định nghĩa, phân loại, bảng phân bố xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên.	6	
4	Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Tính gần đúng các xác suất liên quan đến phân phối nhị thức.	5	
5	Mẫu và các đặc trưng mẫu: mẫu, các cách chọn mẫu, các đặc trưng mẫu, các phương pháp trình bày mẫu.	5	
6	Ước lượng tham số: ước lượng điểm (định nghĩa ước lượng điểm, ước lượng không chệch, ước lượng vững, ước lượng hiệu quả; ước lượng điểm cho kỳ vọng, phương sai và xác suất), ước lượng khoảng (định nghĩa khoảng tin cậy; ước lượng khoảng cho kỳ vọng, phương sai và xác suất; độ chính xác của ước lượng và cỡ mẫu cần thiết).	5	
7	Kiểm định giả thiết thống kê: nguyên lý chung, kiểm định giả thiết về giá trị trung bình, kiểm định giả thiết về tỷ lệ, so sánh hai trung bình.	5	
8	So sánh hai tỷ lệ, so sánh nhiều tỷ lệ và kiểm định giả thiết về tính độc lập. Các chỉ số: nguy cơ tương đối, tỷ suất chênh.	5	

9	Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến: hệ số tương quan mẫu, kiểm định sự tương quan, phương trình hồi quy tuyến tính.	4	
TỔNG		45	0

III. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình, vấn đáp.

IV. Lượng giá:

Thi hết môn: 1 bài tự luận 90 phút.

V. Tài liệu học tập:

Giáo trình Thống kê Y học, Bộ môn Toán Tin học - Đại học Y Hải Phòng, 2012.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Đức Hậu: *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục, 2010.
2. Đào Hữu Hồ: *Xác suất thống kê*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
3. Đặng Hùng Thắng: *Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2009.
4. Đặng Hùng Thắng: *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2009.

VII. Cơ sở vật chất: Giảng đường có bảng, phấn; đảm bảo đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế phù hợp với số lượng học viên.

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Tiên Thắng

ĐỀ CƯƠNG
HỌC PHẦN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC
Đối tượng: Điều dưỡng (hệ vừa làm vừa học)

1. Mã số môn học: Tâm lý- Đạo đức y học
2. Số đơn vị học trình: 2 đvht; Lý thuyết: 2; thực hành: 0
3. Số tiết học: Lý thuyết: 30 tiết; thực hành: 0 tiết
4. Số lần thi: 1 Số chứng chỉ: 1
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn tâm lý đạo đức, yêu cầu sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về tâm lý đạo đức để có khả năng:
 1. Một số vấn đề cơ bản của đạo đức học.
 2. Các nguyên tắc cơ bản của y đức
 3. Y đức trong các mối quan hệ đồng nghiệp, cộng đồng, bệnh nhân và sinh viên và trong nghiên cứu y sinh học
 4. Trình bày được các diễn biến chính về tâm lý người bệnh đến khám bệnh và nằm viện
 5. Trình bày được giao tiếp nói chung và giao tiếp trong nghề y.
 6. Chẩn đoán được tâm lý lứa tuổi và trình bày được liệu pháp tâm lý
6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
HỌC PHẦN I: TÂM LÝ HỌC			
1	Tâm lý học nhân cách	01	0
2	Gia đình – xã hội – stress tâm lý	02	0
3	Stress tâm lý - tâm lý lứa tuổi	02	0
5	Liệu pháp tâm lý	02	0
6	Tâm lý học y học	01	0
7	Tâm lý bệnh nhân đến khám bệnh	02	0
8	Tâm lý bệnh nhân nằm trong bệnh viện	02	0
10	Giao tiếp, giao tiếp trong y học	03	0
	Cộng	15	0
HỌC PHẦN 2: ĐẠO ĐỨC HỌC			
1	Lịch sử phát triển và các tấm gương đạo	2	0

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DỊCH TỄ HỌC

Đối tượng: Sinh viên Điều dưỡng liên thông vừa làm vừa học Mã số:

Số ĐVHT: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Số tiết học Lý thuyết: 32 Thực hành: 32

Số lần kiểm tra: 2

1. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn Dịch tễ học gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và không chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

2. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng

Mục tiêu kiến thức:

1. Nêu được đặc điểm và ứng dụng của dịch tễ học
2. Trình bày được cách tiếp cận dịch tễ học để định nghĩa, đo lường sự xuất hiện những tình trạng liên quan đến sức khỏe trong quần thể
3. Phân tích được những điểm mạnh và hạn chế của các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học
4. Nêu được những đóng góp của dịch tễ học để phòng bệnh, nâng cao sức khỏe và xây dựng chính sách y tế, thực hành lâm sàng.
5. Nêu được vai trò của dịch tễ học trong đánh giá hiệu suất và hiệu quả các chương trình can thiệp

Mục tiêu thái độ:

1. Nhìn nhận được vai trò quan trọng và cần thiết của Dịch tễ học trong y học.
2. Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật của Dịch tễ học để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.

Mục tiêu kỹ năng:

1. Tính toán được các số đo mắc bệnh và tử vong
2. Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp để trả lời những câu hỏi cụ thể liên quan đến nguyên nhân gây bệnh, lịch sử tự nhiên, chẩn đoán, phòng bệnh và đánh giá phương pháp điều trị và các can thiệp khác để phòng và kiểm soát bệnh

7. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dịch tễ học. Khoa Y tế Công cộng-Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

8. Chuẩn bị cơ sở vật chất

- Máy chiếu
- Giảng đường

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2012...

BAN GIÁM HIỆU



Phạm Văn Hán

Đ. KHOA YTCC



Nguyễn Bá Dụng

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Thị Thanh Bình

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SỨC KHOẺ MÔI TRƯỜNG

1. **Đối tượng:** CN điều dưỡng chính quy – năm 2
CN điều dưỡng tại chức – năm 2
CN kỹ thuật y học – năm 2

2. **Mã số:**

3. **Số đơn vị học trình:** 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

4. **Số tiết học:**

Lý thuyết: 30

Thực hành: 0

5. **Số lần kiểm tra:** 1

Số chứng chỉ: 1

6. **Mục tiêu môn học:**

1. Trình bày được các định nghĩa và khái niệm về các yếu tố ảnh hưởng lên sức khỏe
2. Trình bày được các yếu tố gây ô nhiễm: nguồn gốc, yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe
3. Trình bày các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững cho các vùng sinh thái khác nhau
4. Khảo sát đánh giá được một số yếu tố môi trường, tác động của môi trường lên sức khỏe

7. **Nội dung:**

STT	Tên bài	Số tiết		Buổi giảng	Người giảng
		LT	TH		
1	Đại cương sức khỏe môi trường	2		1	TS. Hương
2	Độc chất học	4		2	ThS. Ngọc
3	Vệ sinh nước và cung cấp nước sạch	4		3	TS. Hương
4	Ô nhiễm không khí và sức khỏe cộng đồng	4		4	ThS. Ngọc
5	Ô nhiễm đất và sức khỏe cộng đồng	4		5	TS. Hương
6	Xử lý chất thải	4		6	TS. Hương

7	Vệ sinh bệnh viện	4		7	TS Hương
8	Vệ sinh trường học	2		8	ThS.Ngọc
9	Vệ sinh nhà ở	2		8	ThS.Ngọc
	Tổng số	30	0		

8. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình có lồng ghép hỏi đáp, nêu vấn đề
- Thảo luận nhóm
- Bài tập tình huống

9. Lượng giá:

- Câu hỏi lượng giá đầu học phần:

- Anh/Chị cho biết khái niệm Sức khỏe môi trường là gì?
- Anh/chị cho biết sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người?
- Theo Anh/chị, các vấn đề môi trường hiện nay mà con người gặp phải là gì?
- Anh/Chị cho biết các biện pháp dự phòng ô nhiễm môi trường hiện nay Anh/chị đang áp dụng.

- Câu hỏi lượng giá giữa học phần: bài kiểm tra tư cách, sinh viên làm bài tập tình huống sau, nộp lấy bài tư cách:

Gia đình bà Sửu ở xóm 1, một huyện nghèo của Thanh Hóa, trước đây thường xuyên sử dụng nguồn nước giếng khơi để ăn uống và sinh hoạt. Nhà bà Sửu có một bể chứa nước sạch để dự trữ nước khi trạm cấp nước bị mất điện, không cung cấp nước. Nguồn nước có màu vàng, có mùi lạ, vị mặn.

Là cán bộ y tế, Anh/Chị đánh giá như thế nào về bể chứa nước của gia đình bà Sửu? Anh/Chị sẽ tư vấn ra sao trong trường hợp này?

- Lượng giá thực hành: Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi thực hành, nộp báo cáo thực hành sau mỗi buổi, điểm thực hành tính trên trung bình các điểm từ mỗi buổi

- Lượng giá hết học phần: điểm điều kiện từ các báo cáo thực hành để tính tư cách thi lý thuyết, điểm lý thuyết sẽ là điểm chung cả học phần. Hình thức thi lý thuyết: Trắc nghiệm: câu hỏi MCQ, Đúng/Sai, Ngỏ ngắn

10. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, ĐHY Hải Phòng (2012). Tài liệu học tập lý thuyết
- Bộ Y tế, Đại học Y Hải Phòng (2012). Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học

11. Tài liệu tham khảo

- 1) Bộ Y Tế. Trường Đại học Y Hà Nội (1995). Vệ sinh môi trường - Tập 1
- 2) Bộ Y Tế, Trường Đại học Y Hà Nội (2002). Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 2
- 3) Đào Ngọc Phong (2009). Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 1, Nhà xuất bản y học
- 4) Đào Ngọc Phong, Nguyễn Hữu Chính (2002). Sức khỏe môi trường - Tập 1, Nhà xuất bản y học
- 5) Environmental policy and public health : Air pollution, global climate change, and wilderness, San Francisco : Jossey-Bass, 2012
- 6) Nguyễn Mạnh Liên (2006). Y học môi trường và lao động, Nhà xuất bản y học
- 7) Nguyễn Thị Thu (2007). Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học
- 8) Rom N. William (1992). Environmental and occupational medicine, Boston : Little.
- 9) The World Bank (2008) Global monitoring report 2008: MDGs and Environment

11. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Danh sách cán bộ tham gia giảng dạy:
 - TS. Dương Thị Hương – Trưởng Bộ môn SKMT
 - ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc – Phó trưởng Bộ môn SKMT
 - CN. Nguyễn Thị Bình – Kỹ thuật viên

12. Cơ sở vật chất

- Giảng đường: Máy chiếu, phân bảng

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012.

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm Văn Sơn

Nguyễn Thị Bình

Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: GIÁO DỤC SỨC KHỎE

ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ ĐA KHOA; DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC; CỬ NHÂN KỸ THUẬT Y HỌC - HỆ CHÍNH QUY; CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG VỪA HỌC VỪA LÀM

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số ĐVHT: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/0)
- Số chứng chỉ: 1
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ đa khoa (4 năm) năm 2; Dược sĩ năm 2; Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm chính quy năm 2; Điều dưỡng vừa học vừa làm năm 2.
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này bao gồm 2 đơn vị học trình lý thuyết. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại giảng đường. Tham gia học học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng về khoa học hành vi, về truyền thông – giáo dục sức khỏe. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Phân tích được yếu tố ảnh hưởng và các bước của quá trình thay đổi hành vi SK
2. Mô tả được mục đích, vị trí, vai trò và nguyên tắc của truyền thông giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày được các bước trong lập kế hoạch và các nguyên tắc chính để lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe.
4. Trình bày được cách tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết		Người giảng
		LT	TH	
1.	Khái niệm, vị trí, vai trò của TT-GDSK và nâng cao sức khỏe	4	0	Ths. Trần Thị Bích Hồi
2.	Hành vi sức khỏe & quá trình thay đổi	4	0	Ths. Trần Thị Bích Hồi

	hành vi sức khỏe			
3.	Một số nguyên tắc trong TT-GDSK	4	0	Ths. Phạm Minh Tâm
4.	Nội dung TT-GDSK	4		Ths. Trần Thị Thúy Hà
5.	Các phương pháp và phương tiện truyền thông GDSK	4	0	Ths. Phạm Minh Tâm
6.	Kỹ năng truyền thông GDSK	4	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7.	Lập kế hoạch truyền thông GDSK và quản lý hoạt động GDSK	6	0	Ths. Trần Thị Bích Hồi
TỔNG SỐ		30	0	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2007), Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học.
- Đàm Khải Hoàn (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

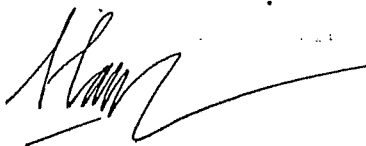
- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

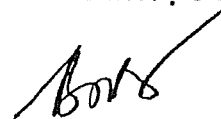
Hải phòng, ngày tháng năm 2012

BAN GIÁM HIỆU

LÃNH ĐẠO KHOA

LÃNH ĐẠO BM





PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN

NGUYỄN BÁ DŨNG

TRẦN THỊ BÍCH HỒI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: TỔ CHỨC Y TẾ
ĐỐI TƯỢNG: CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG - HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số ĐVHT: 1 (1/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (15/0)
- Số chứng chỉ: 1
- Đối tượng sinh viên: Cử nhân điều dưỡng vừa học vừa làm năm 1
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần này bao gồm các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.
2. Trình bày được các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng

4. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH	Giảng viên
1	Hệ thống tổ chức ngành y tế VN	3	0	BS. CKII. Nguyễn Bá Dụng
2	Lập kế hoạch y tế	3	0	Ths. Trần Thị Bích Hội
3	Quản lý nhân lực y tế	3	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
4	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	3	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
5	Quản lý BV	3	0	Ths. Phạm Thị Minh Tâm
	TỔNG	15	0	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2011), Tổ chức và quản lý y tế, Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, NXB Y học
- Trường Việt Dũng, Phạm Duy Luật (2009), Giáo trình Tổ chức và quản lý y tế, Trường Đại học y Hà Nội.
- Dương Huy Liệu, Trương Việt Dũng (2006), Quản lý y tế, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT


- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2012

BAN GIÁM HIỆU

LÃNH ĐẠO KHOA

LÃNH ĐẠO BM



PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN

NGUYỄN BÁ DŨNG

TRẦN THỊ BÍCH HÔI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DINH DƯỠNG - VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỐI TƯỢNG: Cử nhân Điều dưỡng vừa học vừa làm

Năm học: 2015 – 2016

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Mã số: Số ĐVHT: 2 (2/0)
Số học phần: 1 Số tiết: 30 (30/0)
Số chứng chỉ: 1

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- 1. Mô tả được vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng trong thực phẩm đối với sự sống của con người*
- 2. Trình bày được giá trị của dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm.*
- 3. Trình bày được cách phòng chống ngộ độc thức ăn.*
- 4. Trình bày được vai trò của dinh dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, cộng đồng.*
- 5. Tư vấn khỏe người già, trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú.*

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng	4	0
2	Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm	4	0
3	Các bệnh thiếu chất dinh dưỡng thường gặp và các biện pháp phòng chống	4	0



4	Dinh dưỡng cho một số đối tượng đặc biệt (phụ nữ có thai và cho con bú, trẻ nhỏ, người cao tuổi)	4	0
5	Kiểm soát vệ sinh thực phẩm	4	0
6	Truyền thông giáo dục dinh dưỡng	4	0
7	Giám sát dinh dưỡng	2	0
8	Bảo quản thực phẩm	4	0
Tổng		30	0

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm.

2. Phương pháp học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

IV. CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

- BM Điều dưỡng Cộng đồng - Khoa Điều dưỡng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- TS. Thái Lan Anh: Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng – Khoa Điều dưỡng

- ThS. Phạm Thị Thu: Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng – Khoa Điều dưỡng

VI. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu học

- Bài giảng dinh dưỡng và an toàn thực phẩm - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

2. Tài liệu tham khảo

- Dinh dưỡng với sức khoẻ phụ nữ và trẻ em , Trương Bút, Đàm Phú Vân, H: Phụ nữ (1999).

- Tổng điều tra dinh dưỡng / Hà Huy Khôi_ NXB Y học (2003).
- Dinh dưỡng và điều trị / Lương Lễ Hoàng _ NXB trẻ, TP Hồ Chí Minh 2004.
- Dinh dưỡng Cộng đồng và an toàn vệ sinh thực phẩm_ NXB Lao động 2010.

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá ban đầu: Đặt câu hỏi – sinh viên trả lời

2. Đánh giá quá trình:

- *Kiểm tra thường xuyên*: Điểm danh, đánh giá quá trình gồm tham gia học trên lớp và thực hành tại bệnh viện đầy đủ, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà.

3. Đánh giá hết môn: + Lý thuyết: tự luận

* Điểm thi kết thúc học phần: TKHP = THI

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Lý thuyết:

- Giảng đường, phấn, bảng, máy chiếu, micro, loa đài, máy tính.

TRƯỞNG KHOA/
TRƯỞNG BỘ MÔN



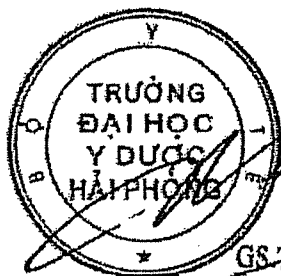
TS. Thái Lan Anh

GIÁO VỤ BỘ MÔN



Bùi Thị Thanh Mai

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số ĐVHT: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian(tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Đối tượng sinh viên: Cử nhân điều dưỡng VHVL

Học phần tiền quyết: sinh học, giải phẫu, mô học, sinh lý, sinh hoá, ký sinh trùng, vi sinh

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: sinh lý bệnh, miễn dịch, giải phẫu bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lý

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	TS Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Dược lý
2	TS Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Dược lý
3	TS Nguyễn Thị Thu Phương	Bộ môn Dược lý
4	TS Phạm Thúy Hằng	Bộ môn Dược lý

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược lý.

Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dược lý đại cương, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của các thuốc... Chương trình thực hành đề cập đến một số thực nghiệm trên động vật, phân tích đơn thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc. Qua đó sinh viên hiểu được cơ chế tác dụng của thuốc để sử dụng thuốc trong điều trị, phòng bệnh đạt hiệu quả cao đồng thời giảm thiểu tác dụng không mong muốn của thuốc. Giúp cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc trong cộng đồng được an toàn và hợp lý.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong phần này sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

3.1. Kiến thức

- Trình bày được dược động học, tác dụng, áp dụng điều trị, tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc các thuốc đại diện trong từng nhóm

3.2. Kỹ năng

- Hướng dẫn sử dụng đúng các dạng bào chế thường gặp

3.3. Thuốc

- Hiểu vai trò của người điều dưỡng

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT
1	Thuyết lý đại cương	04
2	Thuốc tác dụng trên TKTV	03
3	Thuốc ức chế TKTU	02
4	Thuốc KS, thuốc sát khuẩn, thuốc chống lao	03
5	Thuốc tẩy giun sán, amip, thuốc chữa SR	03
6	Thuốc tác dụng trên tim mạch: thuốc chữa suy tim, chữa loạn nhịp, chữa tăng HA	04
7	Thuốc điều chỉnh rối loạn tiêu hoá, hô hấp	03
8	Thuốc tác dụng trên máu: chữa thiếu máu, thuốc tác dụng trên quá trình đông máu	02
9	Glucocorticoid, thuốc điều trị đái tháo đường, thuốc chống thụ thai	03
10	Thuốc t/d trên sự phát triển của tổ chức: hormon, chống K, tác dụng trên miễn dịch	03
Tổng		30

4.2. Thực hành:

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT
1	<p>Thuyết bào chế chính: thuốc uống dạng lỏng</p> <p>Thực nghiệm:</p> <p>Thuyết khu tác dụng của Strychnin</p> <p>Thuyết tác dụng của Cloralhydrat và Cafein trên thần kinh trung ương</p>	05
2	<p>Thuyết bào chế chính: thuốc uống dạng rắn</p> <p>Thực nghiệm:</p> <p>Thuyết đối lập của Ether và Strychnin</p> <p>Thuyết tác dụng của Morphin và Cafein trên hô hấp</p> <p>Hướng dẫn sử dụng thuốc</p>	05
3	Thuyết bào chế chính: thuốc tiêm	05

	thực nghiệm: ứng dụng của Magiesulfat trên nhu động ruột ứng dụng của Magiesulfat và Canxiclorua trên trương lực cơ sống dẫn sử dụng thuốc	
4	ng bào chế chính: dịch truyền đi thiệu về thuốc thiết yếu và kê đơn an toàn hợp lý sống dẫn sử dụng thuốc	05
5	ng bào chế chính: các dạng còn lại sống dẫn sử dụng thuốc – Bài tập đóng vai	05
6	tập	05
Tổng		30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Phương pháp : thuyết trình, thảo luận nhóm
- Phương pháp : thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành thực nghiệm.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Kỹ thuật tập: sinh viên được làm hoặc quan sát thực nghiệm, giải thích kết quả và thảo luận, ứng dụng lâm sàng.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu giảng dạy Dược lý học cơ bản – Trường Đại học Y Hải Phòng
- Tài liệu giảng dạy thực tập Dược lý – Trường Đại học Y Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Tài liệu Dược lý-Đại học Y Hà Nội, *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học, 2012
- Tài liệu (2012), *Dược lý học tập 1, 2*, NXB Y học.
- Tài liệu G. Katzung and el (2009), *Basic and Clinical Pharmacology 12th* edition the McGraw - Hill Companies.
- Tài liệu G. Bruton and el *Goodman & Gilman's Manual of Pharmacology and Therapeutics*, 11th edition the McGraw-Hill Companies.
- Tài liệu Dale: the complete drug, 36th edition – pharmaceutical press

6.3. Vật liệu giảng dạy.

- Bảng, tranh, overhead, powerpoint.
- Tài liệu đọc.
- Dụng cụ: hoá chất, bơm tiêm, bông, cồn

7. CƠ CẤU T CHẤT

- Lý thuyết: giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, bảng phấn.
- Thực hành: phòng thực hành và trang thiết bị cho việc giảng dạy thực nghiệm

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

- + Chú ý: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- + Kiểm tra: phòng xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học tập làm điều kiện để đánh giá kết thúc học phần.

*Điều kiện để thi hết học phần:

- Thực hành thực tập: tham dự đầy đủ các buổi thực hành.
- Kết thúc học phần thực tập: vấn đáp
- Phần lý thuyết: tham dự $\geq 90\%$ số tiết của học phần, và có kết quả kiểm tra thực hành lần 1 hoặc lần 2 ≥ 5 điểm
- Kết thúc học phần: tự luận

*Điểm kết thúc học phần: $= (LT \times 2 + TH) / 3$

- o Sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm thi lại
- o Sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

BAN GIÁM

DUYỆT

KHOA DƯỢC HỌC

BỘ MÔN

PGS.TS Nguyễn Văn Hùng

Ths. Nguyễn Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH
ĐỐI TƯỢNG: ĐIỀU DƯỠNG HỆ TẠI CHỨC (VHVL) K8

1. Mã số môn học: HS
2. Số đơn vị học trình: 3vht; Lý thuyết: 2; thực hành: 1 đvht
3. Số tiết học: Lý thuyết: 32 tiết; thực hành: 30 tiết
4. Số lần thi: 2 Lý thuyết 1, thực hành 1
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:
 1. Trình bày được cấu tạo hoá học và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống,
 2. Trình bày được các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hoá sinh lâm sàng.
 3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá sinh vào việc học tập các môn học chuyên ngành
6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết		Thực hành	
		Giờ	GV	Giờ	GV
1	Hoá học glucid	2	ThS Trang	4	ThS Mai ThS Thảo ThS Trang KTV Bình KTV Thủy
2	Hoá học lipid	1	Bs An	4	
3	Hoá học acid amin	2	ThS Trang	8	
4	Enzyme	1	PGs Lý	4	
5	Năng lượng sinh học	1	ThS Mai	0	
6	Chuyển hoá glucid	2	PGs Lý	0	
7	Chuyển hoá lipid	2	Bs An	0	
8	Chuyển hoá acid amin,	2	PGs Lý	0	
9	HH và CH acid Nucleic	2	PGs Lý	0	
10	Hemoglobin	2	ThS Mai	0	
11	Hormon	1	PGs Lý	0	
12	Chuyển hoá muối nước	2	ThS Trang	0	
13	Thăng bằng acid- base	2	ThS Mai	0	
14	Hoá sinh gan, mật	2	PGs Lý	0	
15	Hoá sinh thận, nước tiểu	2	ThS Trang	4	
16	Hoá sinh máu	2	Bs Nam	4	
17	HSLs	2	Bs Nam	2	
	Cộng	32		30	

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phần bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

8. Phương pháp lượng giá:

- Điều kiện được dự thi:

+ Lý thuyết: - không được vắng quá 25% số giờ lý thuyết

- Điểm thực hành: ≥ 5

+ Thực hành: học đủ các bài thực hành

- Thi kết thúc học phần

Lý thuyết: thi viết trắc nghiệm

Thực hành: thi vấn đáp và tiến hành một số kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản.

- Tính điểm học phần: (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3

9. Tài liệu học tập:

Bài giảng hoá sinh của Bộ môn Hoá sinh ĐHYHP

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYHP

10. Tài liệu tham khảo:

Hoá sinh : Dùng cho đào tạo cao đẳng y học, Phạm Thị Minh Thư, Nxb GD 2010

Hóa sinh lâm sàng, ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hóa sinh. Nxb Y học, 2009

Tài liệu thực hành, bộ môn Hóa sinh, ĐHYHN, 2005

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành

- Dụng cụ:

+ Giá ống thí nghiệm, ống thí nghiệm, nồi cách thủy, pipet thủy tinh, quả bóp cao su, hóa chất phục vụ thí nghiệm

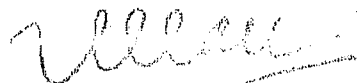
+ Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

Hải Phòng, ngày 1 tháng 8 năm 2013

Phó trưởng phụ trách bộ môn

BHH



Trần Hoài Nam

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chừ*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Mã số: Ký sinh trùng
2. Số đơn vị học trình: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
3. Số tiết học: 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 1, Thực hành: 1)

5. Đối tượng: Cử nhân điều dưỡng VHVL

6. Giảng viên giảng dạy:

- BS. Nguyễn Đức Thành
- TS. Đinh Thị Thanh Mai
- ThS. Vũ Văn Thái
- Ths. Võ Thị Thanh Hiền
- BS. Nguyễn Thị Minh Hoa
- KTV. Lại Thị Thanh Thủy
- KTV. Nguyễn Thị Mùi
- CN. Bùi Thị Hồng Ánh

7. Mục tiêu môn học:

1. Mô tả được đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng chủ yếu ở Việt Nam.
2. Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.
3. Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do ký sinh trùng.
4. Xác định đúng nguyên tắc lấy, bảo quản và vận chuyển một số bệnh phẩm thông thường.
5. Làm được một số xét nghiệm thường quy chẩn đoán ký sinh trùng
6. Trình bày được nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh ký sinh trùng.
7. Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng biết cách phòng chống các bệnh ký sinh trùng.

8. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH
1.	- Đại cương ký sinh trùng y học	2	
	- Đại cương giun ký sinh	0,5	



	- Giun đũa - Giun tóc	1,5	
2.	- Giun kim - Giun móc/giun mỏ - Giun chỉ bạch huyết - Đại cương sán lá ký sinh - Sán lá ký sinh (Sán lá gan nhỏ - Sán lá ruột - Sán lá phổi) - Đại cương sán dây ký sinh - Sán dây ký sinh (Sán dây lợn - Sán dây bò)	2 1 1	
3.	- Đại cương đơn bào - Amip gây bệnh (<i>Entamoeba histolytica</i>) - Trùng roi - Trùng lông - Trùng hình cung - Cách lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm ký sinh trùng	2 1	
4.	- Ký sinh trùng sốt rét (Đặc điểm sinh học - Bệnh học - Dịch tễ học - Phòng chống sốt rét)	4	
5.	Hình thể trứng giun sán thường gặp		4
6.	Hình thể ấu trùng giun sán thường gặp		4
7.	Hình thể giun sán trưởng thành thường gặp		4
8.	- Hình thể đơn bào - Phương pháp lấy máu và làm tiêu bản		2 2
9.	Phương pháp xét nghiệm phân		4
10.	- Phương pháp nhuộm tiêu bản máu - Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Lý thuyết - xem tiêu bản mẫu)		2 2
11.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tự soi)		4
12.	Ôn tập		2
13.	Thi thực hành		

9. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thông, bài phát tay và công cụ hỗ trợ (máy chiếu)

- Thực hành: + Thảo luận nhóm

+ Mô tả, minh họa bằng tranh ảnh, mô hình, tiêu bản

NG
OC
OC
IONG

+ Hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với phân tích tình huống

10. Lượng giá:

- Thi kết thúc học phần:
 - + Lý thuyết: thi trắc nghiệm
 - + Thực hành: thi chạy trạm

11. Tài liệu học tập:

11.1. Tài liệu dạy học

- Bài giảng ký sinh trùng y học (Trường Đại học Y Hà Nội), năm 2012.
- Tài liệu bài giảng thực hành ký sinh trùng (Trường Đại học Y Hải Phòng)

11.2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang phòng chống bệnh sốt rét, năm 2011.
- Kỹ thuật ký sinh trùng y học.
- Cẩm nang xét nghiệm chẩn đoán giun sán.
- Cẩm nang phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người, năm 2010.

12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.
- Thực hành: giảng dạy tại các phòng thực hành của Bộ môn tầng 2 khu 5 tầng ký túc xá sinh viên.

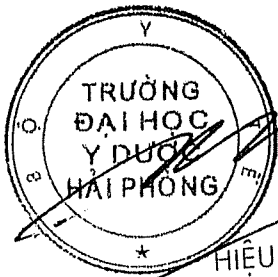
13. Tên Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

- Bộ môn: Ký sinh trùng
- Trưởng Bộ môn: TS. Đinh Thị Thanh Mai

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Ban giám hiệu

Trưởng bộ môn



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Đinh Thị Thanh Mai
Đinh Thị Thanh Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỐI TƯỢNG: SV ĐDCQ VÀ ĐDTC

1. Thông tin về học phần

Số đơn vị học trình: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

2. Mục tiêu:

Lý thuyết:

- Trình bày được những kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, khử trùng tiệt trùng, kháng sinh, vacxin và huyết thanh, nhiễm trùng bệnh viện.
- Biết được các đặc điểm cơ bản nhất (Khả năng gây bệnh và cách phòng bệnh) của một số vi khuẩn, virus gây bệnh ở các cơ quan quan trọng trong cơ thể.

Thực hành: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong xét nghiệm vi sinh: kỹ thuật lấy bệnh phẩm, nhuộm gram, nhuộm Ziehl-Nelsen, kỹ thuật kháng sinh đồ. Kiến tập qui trình nuôi cấy chẩn đoán vi khuẩn, một số kỹ thuật miễn dịch và SHPT ứng dụng trong chẩn đoán vi sinh.

3. Phương pháp giảng dạy

Lý thuyết:

- Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

4. Lượng giá:

Thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: thi viết tự luận
- Thực hành: Vấn đáp.

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2013; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi – rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Vi sinh – Sách đào tạo cao đẳng điều dưỡng - PGS. TS. Lê Hồng Hình/ Nhà xuất bản y học - 2007; 129tr; 27cm.
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

5.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;
- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;

6. Chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Vi sinh trường Đại học Y Hải Phòng

7. Chi tiết tên bài giảng

STT	Tên bài giảng	Số tiết	Ngày giảng	Người giảng
1	Đại cương về VSV và VSV y học. Hình thể, cấu tạo và sinh lý của vi khuẩn Đại cương virus. Sự đề kháng của cơ thể chống VSV	4		

2	Tiệt trùng, khử trùng. Kháng sinh và kháng kháng sinh. Vi hệ bình thường	4		
3	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của VSV. Vaccin và huyết thanh. Nhiễm trùng bệnh viện	4		
4	Vi khuẩn gây bệnh đường da và niêm mạc: Tụ cầu, Liên cầu, Trực khuẩn mũ xanh, Trực khuẩn uốn ván.	4		
5	Vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa: Tả, <i>E. coli</i> , <i>Salmonella</i> , <i>Shigella</i>	4		
6	Vi khuẩn gây bệnh đường hô hấp: Phế cầu, <i>H. influenzae</i> , Ho gà, Lao, Bạch hầu.	4		
7	Virus gây bệnh đường tiêu hóa: Rotavirus, Virus bại liệt. Virus gây bệnh đường hô hấp: Cúm, Sởi, Quai bị	4		
8	VSV gây bệnh qua đường máu: HIV, HBV, HCV. VSV gây bệnh qua đường sinh dục – tiết niệu: Lậu, Giang mai, HPV	4		
Thực hành (30 tiết)				
1	Quan sát hình thể vi khuẩn	4		
2	Làm tiêu bản nhuộm vi khuẩn- Các phương pháp nhuộm soi vi khuẩn	4		
3	Cách lấy bệnh phẩm- Cấy phân lập vi khuẩn	4		
4	Cấy định danh vi khuẩn	4		
5	Kháng sinh đồ	4		
6	Ứng dụng một số phản ứng miễn dịch vào chẩn đoán vi sinh	4		
7	Tham quan phòng xét nghiệm - Kiến tập ứng dụng sinh học phân tử tại labo bệnh viện	4		

8	Thi thực hành	2		
---	---------------	---	--	--

8. Cơ sở vật chất

Bộ môn Vi sinh có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường Đại học Y Hải Phòng và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

Tại Bộ môn Vi sinh - Trường Đại học Y Hải Phòng

- 01 phòng thực hành 1: gồm 46 kính hiển vi, tủ âm.
- 01 phòng thực hành 2: gồm tủ sấy, nồi hấp vô trùng, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Hùng Cường

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chừ*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Mã số: Mô học

2. Số đơn vị học trình: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

3. Số tiết học: 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 1, Thực hành: 1)

5. Đối tượng: Cử nhân điều dưỡng - Hệ liên thông vừa làm vừa học

6. Giảng viên giảng dạy:

- TS Vũ Sỹ Kháng

- Bs Đỗ Đình Tiệp

- ThS. Phạm Thị Thu Thủy

- KTV Hoàng Văn Chính

- BS. Khổng Thị Vân Anh

- KTV Phạm Thị Thái

- BS. Nguyễn Thị Nhị

7. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các tế bào và mô đại cương trong cơ thể người bình thường.

2. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các mô cơ quan của cơ thể người bình thường. Liên hệ được với hoạt động chức năng của chúng.

8. Nội dung:

8.1. Lý thuyết

STT	Nội dung giảng	Số tiết
1	Nhập môn – Mô biểu mô – Mô liên kết	03
2	Mô cơ – Mô thần kinh – Hệ tuần hoàn	03
3	Da & phụ thuộc da – Hệ hô hấp – Hệ tiết niệu	03
4	Hệ tiêu hóa	03
5	Hệ nội tiết – Hệ sinh dục	03
Tổng		15

8.2. Thực hành :

STT	Nội dung bài học	Số tiết
1	Biểu mô	04
2	Mô liên kết	04
3	Mô cơ – Mô thần kinh	04
4	Hệ tuần hoàn – Hệ bạch huyết	04
5	Ổng tiêu hóa chính thức	04

6	Tuyên tiêu hóa – Phôi – Da & phụ thuộc da	04
7	Thận – Sinh dục – Nội tiết – Mắt	04
8	Ôn tập	02
Tổng		30

9. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống, tài liệu phát tay và công cụ hỗ trợ (máy chiếu)

- Thực hành: + Thảo luận nhóm

+ Mô tả, minh họa bằng tranh ảnh, video, tiêu bản

+ Hướng dẫn xem tiêu bản trên kính hiển vi

10. Lượng giá:

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Hỏi thăm sinh viên về tình hình học tập, thi cử. Sinh viên cần học trước các học phần: sinh học, giải phẫu để việc học tập tại bộ môn hiệu quả hơn.

- Kiểm tra đánh giá trong quá trình học: Xem xét thái độ học tập của sinh viên, thường xuyên kiểm tra bài cũ để đánh giá khả năng nắm bắt kiến thức của sinh viên, kịp thời giải quyết những vấn đề sinh viên chưa rõ.

- Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

+ Lý thuyết : thi trắc nghiệm

+ Thực hành: thi chạy trạm

Tỷ trọng điểm: (LTx2+TH)/3

11. Tài liệu học tập:

11.1. Tài liệu giảng dạy

1. Mô - phôi : Phần mô học: sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế: Y học, 2007. - 299tr. ; 27cm.

2. Thực hành mô học (Đại học Y Hải Phòng), năm 2011.

11.2. Tài liệu tham khảo:

1. Mô học/ Phan Chiến Thắng - Nhà xuất bản Y học, 2005- 326tr.

2. Mô học tạng và hệ thống/ Nguyễn Trí Dũng - Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 2010. - 305tr; 26cm.

12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.

- Thực hành: giảng dạy tại các phòng thực hành của Bộ môn tầng 5 khu nhà A

Hải Phòng, ngày 5 tháng 10 năm 2012

Ban giám hiệu

Trưởng bộ môn

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TS. Vũ Sỹ Kháng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO NIÊN CHẾ SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý*

3. Số đơn vị học trình: 3 . Lý thuyết: 2. Thực hành: 1
Số tiết lý thuyết: 30. Thực hành 30.

4. Chuyên ngành đào tạo: Cử nhân Điều dưỡng liên thông

5. Năm học: năm thứ 1.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi – Bộ môn Sinh lý

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

2. ThS. Đào Thu Hồng

3. ThS. Vũ Thành Đông

4. BS. Phạm Thị Nguyên

5. BS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

*** Về kiến thức:**

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng, điều hòa chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan và toàn cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

*** Về kỹ năng:**

- Thao tác đúng các bước tiến hành và phân tích, diễn giải một số kỹ thuật xét nghiệm huyết học và thăm dò chức năng cơ bản (Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu, bắt mạch, đo huyết áp, ghi điện tim, đo chức năng thông khí phổi, chẩn đoán thai sớm).
- Có kỹ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.

*** Về thái độ:**

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kỹ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp, thực hành những kỹ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

Sinh lý học là môn học gồm:

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý đại cương đề cập đến các các nội dung về Đặc điểm cơ thể sống và nội môi; Sinh lý tế bào; Sinh lý máu và dịch thể; Chuyển hóa năng lượng;

Quá trình điều nhiệt trong cơ thể; Sinh lý hệ cơ quan tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, sinh sản, thần kinh).

- Phần thực hành gồm: một số các kỹ thuật xét nghiệm máu, thăm dò chức năng, một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 16 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

* Điều kiện:

- Môn học tiên quyết: các môn học cơ bản (Sinh học, Di truyền...), môn y học cơ sở (Giải phẫu, Mô học).

- Môn học song hành: các môn y học Cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

* Yêu cầu:

- Thao tác đúng quy trình kỹ thuật: Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu, bắt mạch, đo huyết áp, ghi điện tim, đo chức năng thông khí phổi, chẩn đoán thai sớm.

- Nhận định được kết quả xét nghiệm công thức máu. Nhận định, giải thích được kết quả một số thực nghiệm đánh giá chức năng, điều hòa hoạt động chức năng tuần hoàn, nội tiết, sinh sản, thần kinh.

* Chỉ tiêu:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.

- Chỉ tiêu bài kiểm tra:

+ Một bài thi thực hành x 33%

+ Một bài thi hết học phần lý thuyết x 67%.

12. Nội dung học phần

* Lý thuyết:

Bài 1. Đại cương cơ thể sống và hằng tính nội môi

1. Đặc điểm của sự sống

2. Nội môi và hằng tính nội môi

2.1. Nội môi

2.2. Hằng tính nội môi và hệ thống ổn định hằng tính nội môi

3. Điều hòa chức năng

3.1. Điều hòa bằng đường thần kinh

3.2. Điều hòa bằng đường thể dịch

3.3. Cơ chế điều hòa ngược

Bài 2: Sinh lý học tế bào

1. Đặc điểm cấu trúc chức năng của màng tế bào

2. Quá trình vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.1. Quá trình khuếch tán

2.2. Quá trình vận chuyển tích cực

Bài 3: Điện thế màng và điện thế hoạt động

1. Cơ sở vật lý của điện thế màng

2. Điện thế nghỉ

3. Điện thế hoạt động

Bài 4: Sinh lý máu

1. Những tính chất và chức năng chung của máu

- 1.1. Tính chất của máu
- 1.2. Chức năng chung của máu

2. Hồng cầu

- 2.1. Hình thái và số lượng hồng cầu
- 2.2. Chức năng của hồng cầu
- 2.3. Điều hòa số lượng hồng cầu

3. Nhóm máu và truyền máu

- 3.1. Hệ thống nhóm máu ABO
- 3.2. Hệ thống nhóm máu Rh

4. Bạch cầu

- 4.1. Chức năng của các loại bạch cầu
- 4.2. Số lượng và công thức bạch cầu

5. Tiểu cầu

- 5.1. Cấu trúc, đặc tính của tiểu cầu
- 5.2. Chức năng của tiểu cầu

6. Quá trình cầm máu

- 6.1. Giai đoạn thành mạch
- 6.2. Giai đoạn tạo nút tiểu cầu
- 6.3. Giai đoạn tạo cục máu đông
- 6.4. Giai đoạn co và tan cục máu đông
- 6.5. Những chất gây đông và chất chống đông sử dụng trong lâm sàng

Bài 5: Chuyển hóa năng lượng

1. Các dạng năng lượng trong cơ thể

2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng

- 2.1. Tiêu hao năng lượng cho tồn tại và duy trì sự sống
- 2.2. Tiêu hao năng lượng cho phát triển cơ thể
- 2.3. Tiêu hao năng lượng cho sinh sản

3. Nguyên tắc của các phương pháp đo tiêu hao năng lượng

4. Điều hòa chuyển hóa năng lượng

- 4.1. Ở mức tế bào
- 4.2. Ở mức cơ thể

Bài 6: Điều hòa thân nhiệt

1. Thân nhiệt và các yếu tố ảnh hưởng tới thân nhiệt
2. Quá trình sinh nhiệt
3. Quá trình tỏa nhiệt
4. Cơ chế điều nhiệt
 - 4.1. Cơ chế chống nóng
 - 4.2. Cơ chế chống lạnh
 - 4.3. Các biện pháp điều nhiệt riêng của loài người

5. Sốt, tăng thân nhiệt, hạ thân nhiệt

Bài 7. Sinh lý hệ tiết niệu

1. Quá trình lọc ở cầu thận
2. Quá trình tái hấp thu ở ống lượn gần, quai Henle
3. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống lượn xa và ống góp
4. Nguyên lý của một số phương pháp thăm dò chức năng thận.

Bài 8: Sinh lý hệ thần kinh

1. Sinh lý hệ thần kinh trung ương
 - 1.1. Vai trò của hệ thần kinh trung ương
 - 1.2. Cơ chế hoạt động của hệ thần kinh trung ương
2. Chức năng của các đơn vị cấu trúc hệ thần kinh trung ương
 - 2.1. Chức năng của neuron
 - 2.2. Các synap thần kinh
3. Chức năng các cấu trúc thuộc hệ thần kinh trung ương
 - 3.1. Tủy sống
 - 3.2. Hành não
 - 3.3. Não giữa
 - 3.4. Thê lưới
 - 3.5. Tiểu não
 - 3.6. Não trước và vỏ não
4. Hệ thần kinh thực vật
 - 4.1. Thần kinh giao cảm
 - 4.2. Thần kinh phó giao cảm
5. Thần kinh cấp cao

Bài 9: Sinh lý tuần hoàn

1. Sinh lý tim
 - 1.1. Các đặc tính sinh lý cơ tim
 - 1.2. Chu kỳ tim
 - 1.3. Điều hòa hoạt động tim
2. Sinh lý tuần hoàn động mạch
 - 2.1. Các loại huyết áp động mạch
 - 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp động mạch
 - 2.3. Điều hòa tuần hoàn động mạch
3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch
4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

Bài 10: Sinh lý hô hấp

1. Chức năng thông khí
2. Chức năng vận chuyển khí
 - 2.1. Máu vận chuyển oxy
 - 2.2. Máu vận chuyển CO₂
3. Quá trình trao đổi khí
4. Điều hòa hô hấp

- 4.1. Vai trò của các trung tâm hô hấp
- 4.2. Vai trò của một số yếu tố và cấu trúc thần kinh khác
- 4.3. Vai trò của một số yếu tố thể dịch

Bài 11: Sinh lý tiêu hóa

1. *Tiêu hóa ở miệng*
 - 1.1. Hoạt động cơ học
 - 1.2. Hoạt động bài tiết nước bọt
2. *Tiêu hóa ở dạ dày*
 - 2.1. Hoạt động cơ học
 - 2.2. Hoạt động bài tiết dịch vị
3. *Tiêu hóa ở ruột non*
 - 3.1. Hoạt động cơ học
 - 3.2. Hoạt động bài tiết dịch tụy
 - 3.3. Hoạt động bài tiết dịch mật
 - 3.4. Hoạt động bài tiết dịch ruột non
4. *Tiêu hóa ở ruột già*

Bài 12: Sinh lý nội tiết

1. *Đại cương về các tuyến nội tiết và hormon*
2. *Chức năng nội tiết vùng dưới đồi*
3. *Chức năng nội tiết tuyến yên*
4. *Chức năng nội tiết tuyến giáp, tuyến cận giáp*
5. *Chức năng nội tiết tuyến thượng thận*
6. *Chức năng nội tiết tuyến tụy*

Bài 13: Sinh lý sinh sản

1. *Sinh lý sinh sản nam*
 - 1.1. Chức năng ngoại tiết của tinh hoàn
 - 1.2. Chức năng nội tiết của tinh hoàn
 - 1.3. **Dậy thì và suy giảm chức năng sinh dục nam**
 - 1.4. Rối loạn hoạt động chức năng sinh dục nam
2. *Sinh lý sinh sản nữ*
 - 2.1. Chức năng ngoại tiết của buồng trứng
 - 2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng
 - 2.3. Chu kỳ kinh nguyệt
 - 2.4. Dậy thì và mãn kinh
 - 2.5. Thụ thai, mang thai, sỏ thai
 - 2.6. Các hormon trong thời kỳ có thai
 - 2.7. Nghiệm pháp chẩn đoán thai sớm
3. *Cơ sở sinh lý học của các biện pháp tránh thai*

*** Thực hành:**

- Bài 1. Đếm số lượng hồng cầu. Đếm số lượng bạch cầu. Định lượng Hemoglobin.
 Bài 2. Đo tốc độ máu lắng. Đo thời gian MC - MĐ. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu. Định công thức BCPT.

Bài 3. Phân tích cung phản xạ tủy. Duỗi cứng mắt não trên thỏ. Phá một bên tiểu não ếch và bò câu.

Bài 4. Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim, vai trò của dây X lên hoạt động tim. Nút buộc Stanius. Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.

Bài 5. Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tuồng trình thí nghiệm). Cắt tuyến yên ếch. Chẩn đoán có thai bằng nghiệm pháp sinh vật học. Gây sốc hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.

Bài 6. Đo huyết áp động mạch người. Nghe tiếng tim. Đo điện tâm đồ. Đo chức năng hô hấp.

Bài 7. Nghiên cứu hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ. Chẩn đoán có thai bằng HCG vitest.

13. Phương pháp giảng

- Lý thuyết: thuyết trình cải tiến, pháp vấn, thảo luận nhóm.

- Thực hành: thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành các thực nghiệm hoặc phân tích mẫu kết quả xét nghiệm.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.

- Máy chiếu, powerpoint.

- Phấn, bảng.

- Kính hiển vi, buồng đếm tế bào máu, ống potain, máu, lam kính, bông cotton, kim chích, hóa chất, ống nghe, huyết áp, máy điện tim, máy đo chức năng thông khí phổi, máy siêu âm, động vật thực nghiệm ếch, bò câu, thỏ, chó, bàn mổ, panh, kéo, thuốc, hóa chất,...

15. Đánh giá

- Lý thuyết: thi viết.

- Thực hành: thi vấn đáp.

- Tổng điểm môn: $(\text{điểm thực hành} \times \text{hệ số } 1 + \text{điểm lý thuyết} \times \text{hệ số } 2) / 3 = \text{điểm học phần}$

16. Tài liệu học tập, tham khảo

* Tài liệu học tập

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.

2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

* Tài liệu tham khảo

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.

5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

* Phần lý thuyết

Tuần	Nội dung chính	Số	Giảng viên	TLHT/	Hình thức
------	----------------	----	------------	-------	-----------

thứ		tiết		TLTK	học
1	Đại cương cơ thể sống, hằng tính nội môi	1.5	PGS. Mùi	[2-5]	Thuyết trình, Pháp vấn, Thảo luận
2	Sinh lý tế bào	1.5	PGS. Mùi		
3	Sinh lý máu	3	ThS. Hồng		
4	Sinh lý chuyển hóa năng lượng	1.5	BS. Trang		
5	Sinh lý điều nhiệt	1.5	BS. Trang		
6	Sinh lý hệ tiết niệu	3	BS. Nguyễn		
7	Sinh lý thần kinh	3	PGS. Mùi		
8	Sinh lý tuần hoàn	3	ThS. Hồng		
9	Sinh lý hô hấp	3	BS. Nguyễn		
10	Sinh lý tiêu hóa	3	BS. Trang		
11	Sinh lý nội tiết	3	ThS. Đông		
12	Sinh lý sinh sản	3	ThS. Đông		
Tổng		30			

* *Thực hành*

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TLHT/ TLTK	Hình thức học
1	Bài 1: Đếm số lượng hồng cầu. Đếm số lượng bạch cầu. Định lượng Hemoglobin.	4	PGS Mùi	[1]	- GV: giới thiệu bài học - KTV: thao tác mẫu hướng dẫn kỹ thuật. - SV: + Quan sát, Thực hiện kỹ thuật. + Viết báo cáo thực hành
2	Bài 2: Đo tốc độ máu lắng. Đo thời gian MC - MĐ. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu. Định công thức BCPT.	4	PGS Mùi		
3	Bài 3: Phân tích cung phản xạ tủy. Đo cứng mắt não trên thỏ. Phá một bên tiền não ếch và bò câu.	4	BS Nguyễn		
4	Bài 4: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim, vai trò của dây X lên hoạt động tim. Nút buộc Stanius. Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.	4	ThS Đông		
5	Bài 5: Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tuồng trình thí nghiệm). Cắt tuyến yên ếch. Chẩn đoán có thai bằng nghiệm pháp sinh vật học. Gây sốc hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.	4	BS. Trang		

6	Bài 6. Đo huyết áp động mạch người. Nghe tiếng tim. Đo điện tâm đồ. Đo chức năng hô hấp.	5	ThS. Hồng		
7	Bài 7. Nghiên cứu hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ. Chẩn đoán có thai bằng HCG vitest.	5	ThS. Hồng		
	Tổng	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

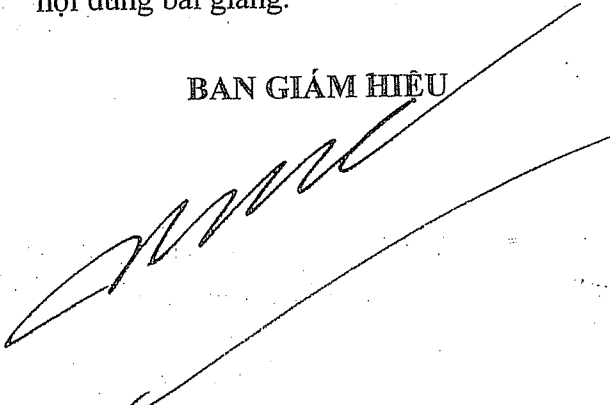
18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Hải Phòng, ngày 22 tháng 5 năm 2013

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS, TS. Nguyễn Văn Mùi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số đơn vị học trình: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Cử nhân điều dưỡng tại chức

Học phần tiên quyết: Sinh lý

Học phần học trước: Giải phẫu, Hóa sinh

Học phần song hành: Dược lý, Vi sinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Huy Quyền, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Phạm Thị Khuyên, Vũ Thị Hồng

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch.

Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để học tập, nghiên cứu các học phần sau: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Trình bày được những quy luật chung về bệnh lý của các cơ quan chức phận, của một số quá trình bệnh lý điển hình và của bệnh nói chung; mô tả được cấu tạo và cơ chế hoạt động của các cơ quan, tế bào miễn dịch, các phân tử trực thuộc của hệ miễn dịch, mối quan hệ hợp tác điều hòa giữa chúng trong đáp ứng miễn dịch nói chung và miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh như nhiễm trùng, ung thư; cũng như cơ chế khái quát của các hiện tượng bệnh lý miễn dịch (quá mẫn, tự miễn, suy giảm miễn dịch) và một số nguyên lý chung về điều trị rối loạn miễn dịch

- Kỹ năng: Có kỹ năng suy luận tổng hợp, phân tích các tình huống xét nghiệm, áp dụng các kiến thức thích hợp vào công tác chẩn đoán và điều trị bệnh

- Thái độ: có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỉ mỉ trong quá trình học tập.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	TH
1	Đại cương về môn SLB và các khái niệm cơ bản, khái quát về chức năng miễn dịch	2	2
2	Sinh lý bệnh phản ứng viêm	1	2
3	Sinh lý bệnh phản ứng sốt	2	
4	Rối loạn chuyển hóa các chất và thăng bằng kiềm toan	3	4
5	Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn	2	2
6	Sinh lý bệnh chức năng hô hấp	2	2
7	Sinh lý bệnh chức năng tạo máu	2	4
8	Sinh lý bệnh chức năng chức năng gan	2	2
9	Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa	2	2
10	Sinh lý bệnh chức năng tiết niệu	2	4
11	Tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch	1	
12	Hệ thống bổ thể	1	
13	Miễn dịch dịch thể và Miễn dịch tế bào	2	2
14	Kiểm soát và điều hòa miễn dịch	2	
15	Miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật	2	
16	Miễn dịch bệnh lý đại cương	2	2
17	Các kỹ thuật miễn dịch hiện đại ứng dụng trong chẩn đoán		2
Tổng		30	30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả thực nghiệm, phân tích phiếu xét nghiệm,

5.2. Phương pháp học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hành các thí nghiệm, tham gia trao đổi, thảo luận

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Sinh lý bệnh và miễn dịch, Nhà xuất bản Y học
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Miễn dịch học, Nhà xuất bản Y học
3. Sinh lý bệnh học / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2004. - 452tr. ; 24cm
4. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần miễn dịch học: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 157tr. ; 27cm.
5. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần sinh lý bệnh: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 255tr. ; 27cm.
6. Miễn dịch học cơ bản. - H. : Y học, 1986. - 422 tr. ; 21 cm

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

7.1. *Thi thực hành*: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học thực hành mới được thi hết học phần thực hành.

+ Hình thức thi: thi viết

+ Thời lượng thi: 50 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng

7.2. *Thi lý thuyết*:

- *Đánh giá ban đầu*.

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Sinh lý bệnh – miễn dịch

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học Sinh lý bệnh – miễn dịch

- *Đánh giá quá trình*: sinh viên cần tự giác thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, ghi chép đầy đủ kết quả thí nghiệm và phân tích tất cả các huyết đồ niệu đồ trong giáo trình thực hành

- *Đánh giá cuối kỳ*: Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 90 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 5.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

7.3. *Cách tính điểm học phần*:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: $TKHP = (LT \times 2 + TH) / 3$

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

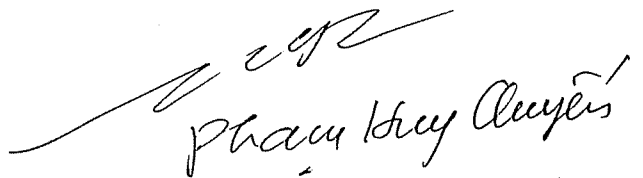
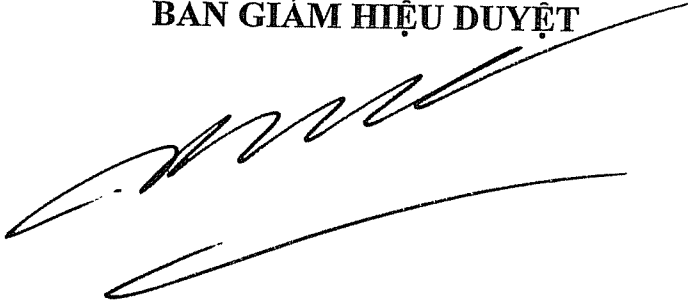
8.1. *Học phần lý thuyết*: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

8.2. *Học phần thực hành*: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, súc vật phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN



Phạm Huy Cường

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chi*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Môn học: Điều dưỡng cơ bản 1

Số học phần: 1

Số ĐVHT: 4 (2/2)

Số chứng chỉ : 1

Số tiết: 92(30/62)

Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được quan niệm, chức năng, nhiệm vụ của điều dưỡng.
2. Trình bày được luật hành nghề điều dưỡng ở Việt Nam
3. Khám được các biểu hiện của hoạt động sống
4. Thực hiện được công việc chăm sóc về dinh dưỡng, thuốc cho người bệnh.

Nội dung:

TT	Tên bài học	Tiết giảng		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Giới thiệu lịch sử ngành điều dưỡng	1		1
2	Chức năng, nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng	1		1
3	Định hướng điều dưỡng	2		1
4	Các mô hình phân công chăm sóc, luật hành nghề điều dưỡng	2		2
5	Đạo đức Điều dưỡng	1		1
6	Nhu cầu cơ bản của con người	2		2
7	Quy trình điều dưỡng	3	8	11
8	Hồ sơ bệnh nhân và cách ghi chép	1	4	5
9	Dụng cụ thường dùng ở bệnh viện	0	4	4
10	Bảo quản dụng cụ y tế	1	4	5
11	Vô khuẩn, tiệt khuẩn	2	4	6

12	Vệ sinh đôi tay – mặc áo – mang găng	1	2	3
13	Dấu hiệu sinh tồn - cách chăm sóc	2	4	6
14	Tiếp nhận bệnh nhân vào viện - chuyển viện, ra viện	2	4	6
15	Chăm sóc bệnh nhân hấp hối, tử vong	1	4	5
16	Chăm sóc hàng ngày, vệ sinh cho bệnh nhân	2	4	6
17	Nhiễm khuẩn bệnh viện, biện pháp đề phòng	2	0	2
18	Kỹ thuật đưa chất dinh dưỡng vào cơ thể	1	8	9
19	Kỹ thuật dùng thuốc theo các đường tiêm, uống, bôi.	3	12	15
	Tổng cộng tiết giảng	30	62	92
	Số ĐVHT	2	2	4

Phương pháp dạy học:

* **Lý thuyết:** Tổ chức dạy học tại trường:

- Thuyết trình

- áp dụng phương pháp dạy-học tích cực:

+ Thảo luận nhóm

+ Đóng vai

+ Nghiên cứu tình huống

* **Thực hành:** Tại các phòng tiền lâm sàng:

+ Giải thích, minh họa, mô phỏng, xem băng video

+ Hướng dẫn qui trình kỹ thuật trên mô hình

+ Đóng vai

Phương pháp đánh giá:

*** Lý thuyết :**

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Câu hỏi ngắn, tình huống
- Đánh giá trong quá trình:
 - + Điểm danh
 - + Cho câu hỏi ngắn, thảo luận nhóm
- Kết thúc học phần
 - + Hình thức thi : Thi viết
 - + Phương pháp : Câu hỏi ngắn
 - + Thời gian : 60 phút

*** Thực hành :**

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: câu hỏi ngắn
- Đánh giá trong quá trình:
 - + Điểm danh
 - + Quan sát, lượng giá bằng bảng kiểm
- Kết thúc học phần
 - + Hình thức thi : Thi chạy trạm
 - + Phương pháp : Sử dụng bảng kiểm (thang điểm 2 – 1 – 0)

*** Điều kiện đánh giá hết môn học:** là kiểm tra đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình.

~~- Kết thúc môn học được tính: LT = LT TH = TH~~

Cơ sở vật chất:

- * **Lý thuyết:** Giảng đường, máy chiếu, mic, máy tính xách tay, phấn , bảng.
- * **Thực hành:** Phòng thực hành, mô hình, trang thiết bị, vật liệu dạy học.

Tài liệu dạy học:

Giáo trình Điều dưỡng cơ sở do Bộ môn biên soạn.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2002), Điều dưỡng cơ bản. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản – Tập 1,2. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 2 tập. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

4. Bộ Y tế (2010), Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập 1,2. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
5. Fundamental Nursing: Concepts, process and practice /Kathleen G.Hoover. - 3rd - USA: Mosby,1993. 309p.; 24cm.
6. Fundamentals of Nursing: human health and function. - Second edition. - Philadelphia: Lippincott,1996. - 1580 p; 29cm.
7. Fundamental Nursing: concepts and skills / Cole, Grace. - 2ed. - USA: Mosby, 1996. - 679 p.:24 cm

Chịu trách nhiệm giảng dạy:

STT	Họ và tên GV	Tên môn học được phân công giảng dạy	Ghi chú
1.	ThS. Lê Thị Nhung	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
2.	ThS. Nguyễn Thị Anh Thu	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
3.	Đỗ Như Quỳnh	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
4.	Đỗ Thị Phượng	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
5.	Đỗ Thị Hà Mi	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành

Ban Giám hiệu

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Phó trưởng Bộ môn

1/1/2
ThS. Lê Thị Nhung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Môn học: Điều dưỡng cơ bản 2

Mã số: Số ĐVHT: 4 (2/2)
Số học phần: 1 Số tiết: 90 (30/60)
Số chứng chỉ: 1

Mục tiêu môn học:

1. Mô tả được quy trình kỹ thuật của từng thủ thuật.
2. Nhận biết, theo dõi và xử trí được các biến cố xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật.
3. Thực hiện được công việc trợ giúp thầy thuốc làm các thủ thuật.
4. Trình bày được nguyên tắc và cách xử trí các tình huống khi cấp cứu người bị nạn
5. Thực hiện được các kỹ năng thực hành, chăm sóc người bệnh.
6. Trình bày được các bước nghiên cứu khoa học điều dưỡng.

Nội dung:

TT	Tên bài học	Tiết giảng		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Chuẩn bị giường bệnh và thay vải trải giường cho bệnh nhân	1	4	5

2	Chuẩn bị dụng cụ cho thầy thuốc khám bệnh	1	2	3
3	Chuẩn bị bệnh nhân khi làm xét nghiệm cận lâm sàng	1	2	3
4	Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường	1	2	3
5	Truyền dịch - truyền máu	2	4	6
6	Theo dõi và xử lý các chất thải, tiết	1	2	3
7	Hút đờm dãi, cho bệnh nhân thở oxy	1	2	3
8	Rửa bàng quang, thông tiểu, lấy nước tiểu 24h	1	4	5
9	Hút dịch dạ dày, dịch tá tràng	1	4	5
10	Rửa dạ dày	1	2	3
11	Đo lượng dịch vào ra	1	2	3
12	Thụt tháo - thụt giữ	1	2	3
13	Chườm nóng - chườm lạnh	1	2	3
14	Dự phòng, chăm sóc và điều trị loét do đè ép	2	2	4
15	Trợ giúp thầy thuốc, chọc dò màng phổi, màng tim, màng bụng, tuỷ sống.	4	4	8
16	Trợ giúp thầy thuốc đặt catheter, nội khí quản, mở khí quản	3	4	6

17	Các phương pháp vận chuyển bệnh nhân	1	2	3
19	Kỹ thuật băng các loại	1	4	5
20	Thay băng, rửa vết thương, cắt chỉ	1	2	3
21	Garô - cầm máu	1	2	3
22	Sơ cứu gãy xương	2	4	5
23	Hồi sinh tim phổi	1	2	3
	Tổng cộng tiết giảng	30	60	90
	Số ĐVHT	2	2	4

Phương pháp dạy học:

* **Lý thuyết:** Tổ chức dạy học tại trường:

- Thuyết trình

- áp dụng phương pháp dạy-học tích cực:

+ Thảo luận nhóm

+ Đóng vai

+ Nghiên cứu tình huống

* **Thực hành:** Tại các phòng tiền lâm sàng:

+ Giải thích, minh họa, mô phỏng, xem băng video

+ Hướng dẫn qui trình kỹ thuật trên mô hình

+ Đóng vai

Phương pháp đánh giá:

* **Lý thuyết :**

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Câu hỏi ngắn, tình huống

- Đánh giá trong quá trình:
 - + Điểm danh
 - + Cho câu hỏi ngắn, thảo luận nhóm
- Kết thúc học phần
 - + Hình thức thi : Thi viết
 - + Phương pháp : Câu hỏi ngắn
 - + Thời gian : 60 phút

*** Thực hành :**

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: câu hỏi ngắn
- Đánh giá trong quá trình:
 - + Điểm danh
 - + Quan sát, lượng giá bằng bảng kiểm
- Kết thúc học phần
 - + Hình thức thi : Thi chạy trạm

+ Phương pháp : Sử dụng bảng kiểm (thang điểm 2 – 1 – 0)

*** Điều kiện đánh giá hết môn học:** là kiểm tra đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình.

- Kết thúc môn học được tính: LT = LT, TH = TH

Cơ sở vật chất:

- * Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, mic, máy tính xách tay, phấn, bảng.
- * Thực hành: Phòng thực hành, mô hình, trang thiết bị, vật liệu dạy học.

Tài liệu dạy học:

Giáo trình Điều dưỡng cơ sở do Bộ môn biên soạn.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2002), Điều dưỡng cơ bản. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản – Tập 1,2. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 2 tập. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Bộ Y tế (2010), Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập 1,2. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

5. Fundamental Nursing: Concepts, process and practice /Kathleen G.Hoover. - 3rd - USA: Mosby,1993. 309p.; 24cm.
6. Fundamentals of Nursing: human health and function. - Second edition. - Philadelphia: Lippincott,1996. - 1580 p; 29cm.
7. Fundamental Nursing: concepts and skills / Cole, Grace. - 2ed. - USA: Mosby, 1996. - 679 p.:24 cm

Chịu trách nhiệm giảng dạy:

STT	Họ và tên GV	Tên môn học được phân công giảng dạy	Ghi chú
1.	ThS. Lê Thị Nhung	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
2.	ThS. Nguyễn Thị Anh Thư	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
3.	Đỗ Như Quỳnh	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
4.	Đỗ Thị Phượng	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
5.	Đỗ Thị Hà Mi	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành

Ban Giám hiệu

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

Phó trưởng Bộ môn

ThS. Lê Thị Nhung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: ĐIỀU DƯỠNG SẢN PHỤ KHOA
Năm học: 2014-2015

I. THÔNG TIN MÔN HỌC

Mã môn học:

Tổng số ĐVHT:3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Đối tượng sinh viên: Cử nhân điều dưỡng tại chức đa khoa

Môn học tiên quyết: điều dưỡng cơ bản, điều dưỡng nội-ngoại khoa

Môn học học trước: giải phẫu, sinh lý

Môn học song hành: chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa

~~Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng Sản – khoa Điều dưỡng~~

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. Ths. BSCK II. Lại Thị Nguyệt Hằng - Trưởng bộ môn
2. Ths. Bs. Đào Thị Hải Yến – Giảng viên
3. Ths. Bs. Bùi Thị Minh Thu – Giảng viên
4. BSCKII. Vũ Đức Thăng – Giảng viên
5. Ths. Nguyễn Thị Mai Anh – Giảng viên

II. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ, chăm sóc sơ sinh.
- Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản phụ khoa, chăm sóc trẻ sơ sinh.

III. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Mục tiêu chung: Sau khi học xong sinh viên phải:

- Mô tả được đặc điểm giải phẫu, tâm lý, sinh lý của người phụ nữ qua các giai đoạn của cuộc đời
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, theo dõi người phụ nữ khi mang thai, trong đẻ và sau đẻ
- Thực hiện được giáo dục sức khỏe sinh sản cho các đối tượng phụ nữ trong các độ tuổi
- Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản về sản - phụ khoa, chăm sóc sơ sinh.

Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho trẻ em, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và hợp tác tốt với đồng nghiệp trong chuyên môn, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;
- Có kiến thức về cấu trúc và chức năng cơ thể con người, đặc biệt là về hệ thống sinh sản trong trạng thái bình thường và bệnh lý, những thay đổi về giải phẫu sinh lý của người phụ nữ trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đời
- Có kiến thức về khoa học xã hội để chăm sóc bà mẹ và trẻ em phù hợp về văn hoá, xã hội và tâm sinh lý.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và trẻ em, thông qua việc sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề, tiếp cận hệ thống và tư duy tích cực khi thực hành nghề nghiệp, để đảm bảo chăm sóc sức khoẻ và cuộc sống của phụ nữ và trẻ em
- Kỹ năng tư vấn, lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ chăm sóc thai nghén bình thường.
- Phát hiện, hướng xử trí và lập kế hoạch chăm sóc những trường hợp cấp cứu bệnh lý về sản, phụ khoa.
- Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản về sản - phụ khoa, chăm sóc sơ sinh.

IV. NỘI DUNG MÔN HỌC:

STT	Tên bài học	Số tiết LT	Số tiết TH
1.	Chẩn đoán thai nghén và công tác điều dưỡng	1	2
2.	Chẩn đoán, theo dõi chuyển dạ và công tác điều dưỡng	1	2

3.	Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ	1	1
4.	Đăng ký quản lý thai nghén	1	0
5.	Hậu sản thường và công tác điều dưỡng	1	1
6.	Chăm sóc, theo dõi thai nghén nguy cơ	1	1
7.	Chăm sóc, theo dõi sảy thai, thai chết lưu	1	1
8.	Chăm sóc, theo dõi chữa ngoài tử cung	1	1
9.	Chăm sóc theo dõi chữa trứng	1	1
10.	Chăm sóc, theo dõi rau tiền đạo	1	1
11.	Chăm sóc, theo dõi rau bong non	1	1
12.	Chăm sóc, TD sản phụ dọa vỡ tử cung và VTC	1	1
13.	Nôn nặng-THA do thai nghén TSG-SG	1	1
14.	Suy thai- hồi sức sơ sinh	1	1
15.	Bệnh tim và thai nghén	1	1
16.	Chảy máu thời kỳ sổ rau	1	1
17.	Nhiễm khuẩn hậu sản và công tác ĐD	1	1
18.	HIV/AIDS đối với bà mẹ	1	0
19.	Chăm sóc sơ sinh sau đẻ và trong phòng dưỡng nhi	1	1
20.	Đặc điểm sơ sinh non tháng, đủ tháng và cách chăm sóc	1	1
21.	Vàng da, các dị tật ở trẻ mới đẻ	1	1
22.	Khám phụ khoa	1	1
23.	Chăm sóc theo dõi u xơ tử cung	1	1
24.	Chăm sóc, TD khối u buồng trứng	1	1
25.	Chăm sóc, TD viêm sinh dục	1	1

26.	Chăm sóc, TD ung thư tế bào nuôi	1	1
27.	Chăm sóc, theo dõi ung thư sinh dục	1	1
28.	Bệnh phổi và thai nghén	1	1
29.	Đẻ khó do nguyên nhân cơ học, do con co TC, do thai, phần phụ của thai	2	2
	TỔNG	30	30

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY- HỌC:

1. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, động não, bài tập tình huống, hoạt động hỏi đáp.

- Thực hành: thực tập tại bệnh viện, đi buồng, đi khám bệnh, giao ban, bình bệnh án, đóng vai

2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên lên lớp nghe giảng lý thuyết và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học.

- Thực tập tại bệnh viện: sinh viên thực tập tại các khoa phòng theo sự phân công của bộ môn, tham gia thảo luận, thăm khám lâm sàng trên bệnh nhân tại buồng bệnh.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung, chuẩn bị bệnh nhân theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo giao ban.... Tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng, làm bài tập tình huống, thực hành lâm sàng.

VI. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. **Đánh giá ban đầu:** Hỏi thăm tình hình học tập của sinh viên khi học các môn học trước.

2. Đánh giá trong quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bệnh viện (đi học đầy đủ, đi trực đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận..)
- Thái độ học tập, tham gia các hoạt động thảo luận nhóm khi học tập tại bộ môn.

Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình sẽ là điều kiện thi kết thúc học phần.

3. Thi kết thúc học phần:

- Thi lâm sàng: Thi kỹ năng tay nghề điều dưỡng và thi vấn đáp
 - o *Điểm thi lâm sàng = (Điểm thi kỹ năng tay nghề điều dưỡng + điểm thi vấn đáp) / 2*
- Thi lý thuyết: Viết tự luận theo bộ câu hỏi ngắn
- Áp dụng thang điểm 10

VII. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

1. Lý thuyết

- Phòng học rộng rãi, đủ bàn ghế, phân bảng, máy chiếu, loa, micro,...

2. Thực hành

- Sinh viên học lâm sàng tại bệnh viện
- Bình kế hoạch chăm sóc tại giảng đường

VIII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

1. **Tài liệu giảng dạy:** Bài giảng điều dưỡng sản phụ khoa dành cho đối tượng điều dưỡng tại chức đa khoa do bộ môn biên soạn.

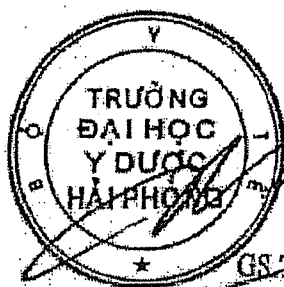
2. Tài liệu tham khảo:

- Bộ y tế (2007), Điều dưỡng sản phụ khoa, NXB y học, Hà Nội
- Bài giảng sản phụ khoa tập 1 + tập 2 – Đại học Y Hà Nội (2004)
- Lâm sàng sản phụ khoa, NXB Y học (2001)

- Maternity Nursing (2010). Mosby, Elsevier

Chịu trách nhiệm giảng dạy: BỘ MÔN ĐIỀU DƯỠNG SẢN- TRƯỜNG ĐẠI
HỌC Y HẢI PHÒNG

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

Lại Thị Hằng

TRƯỜNG KHOA

TS. Thái Lan Anh

TRƯỜNG BỘ MÔN

BsCK II. Lại Thị Nguyệt Hằng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
Năm học: 2014-2015

I. THÔNG TIN MÔN HỌC

Mã môn học:

Tổng số ĐVHT: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết:30 Thực hành: 0

Đối tượng sinh viên: Cử nhân điều dưỡng tại chức đa khoa

- *Môn học tiên quyết:* điều dưỡng cơ bản, điều dưỡng nội-ngoại khoa

- *Môn học học trước:* giải phẫu, sinh lý

- *Môn học song hành:* chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và chăm sóc người lớn có bệnh

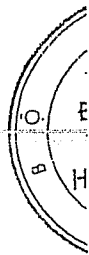
- *Bộ môn phụ trách giảng dạy:* Bộ môn Điều dưỡng Sản – khoa Điều dưỡng

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. Ths. BSCK II. Lại Thị Nguyệt Hằng - Trưởng bộ môn
2. Ths. Bs. Nguyễn Hoàng Trang – Giảng viên
3. Ths. Nguyễn Thị Mai Anh – Giảng viên

II. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên – thanh niên, mãn kinh và tiền mãn kinh.



- Sau khi học xong môn học này sinh viên có thể tư vấn cho phụ nữ ở cộng đồng về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, làm mẹ an toàn.

- Trước khi sinh viên lên lớp học, sinh viên cần đọc giáo trình về nội dung bài học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình hoặc thảo luận.

III. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Mục tiêu chung: Sau khi học xong sinh viên phải:

- Mô tả được đặc điểm giải phẫu, tâm lý, sinh lý của người phụ nữ qua các giai đoạn của cuộc đời
- Lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho các đối tượng.
- Thực hiện được một số thủ thuật trong kế hoạch hóa gia đình.
- Thực hiện được tư vấn về kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho trẻ em, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và hợp tác tốt với đồng nghiệp trong chuyên môn, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;

- Có kiến thức về cấu trúc và chức năng cơ thể con người, đặc biệt là về hệ thống sinh sản trong trạng thái bình thường và bệnh lý, những thay đổi về giải phẫu sinh lý của người phụ nữ trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đời
- Có kiến thức về khoa học xã hội để chăm sóc bà mẹ và trẻ em phù hợp về văn hoá, xã hội và tâm sinh lý.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và trẻ em, thông qua việc sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề, tiếp cận hệ thống và tư duy tích cực khi thực hành nghề nghiệp, để đảm bảo chăm sóc sức khoẻ và cuộc sống của phụ nữ và trẻ em
- Thực hiện được tư vấn về kế hoạch hóa gia đình
- Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng: phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên – thanh niên, tiền mãn kinh, mãn kinh

IV. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	Tên bài học	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Đại cương dân số, vấn đề phát triển dân số ở VN	4	0
2.	Tầm quan trọng công tác BV BMTE& KHHGD	2	0
3.	Làm mẹ an toàn	4	0
4.	Các biện pháp tránh thai	4	0
5.	Sức khỏe sinh sản vị thành niên	4	0
6.	SKSS tiền mãn kinh và mãn kinh	4	0

7	Tư vấn KHHGD	4	0
8	Tư vấn trong CSSKSS	4	0
	TỔNG	30	0

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY- HỌC:

1. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, động não, bài tập tình huống, hoạt động hỏi đáp.

2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên lên lớp nghe giảng lý thuyết và tham gia trao đổi, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học.

VI. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. **Đánh giá ban đầu:** Hỏi thăm tình hình học tập của sinh viên khi học các môn học trước.

2. Đánh giá trong quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận..)
- Thái độ học tập, tham gia các hoạt động thảo luận nhóm khi học tập tại bộ môn.

Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình sẽ là điều kiện thi kết thúc học phần.

3. Thi kết thúc học phần:

- Thi lý thuyết: Viết tự luận theo bộ câu hỏi ngắn
- Áp dụng thang điểm 10

VII. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

- Phòng học rộng rãi, đủ bàn ghế, phấn bảng, máy chiếu, loa, micro,...

VIII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

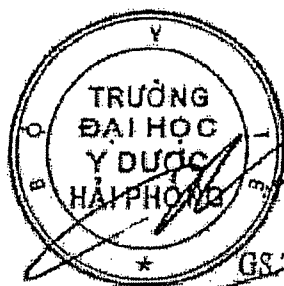
1. Tài liệu giảng dạy: Bài giảng điều dưỡng sản phụ khoa dành cho đối tượng điều dưỡng tại chức đa khoa do bộ môn biên soạn.

2. Tài liệu tham khảo:

- Bộ y tế (2007), Điều dưỡng sản phụ khoa, NXB y học, Hà Nội
- Bài giảng sản phụ khoa tập 1 + tập 2- Đại học Y Hà Nội (2004)
- Maternity Nursing (2010). Mosby, Elsevier

Chịu trách nhiệm giảng dạy: BỘ MÔN ĐIỀU DƯỠNG SẢN- TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

ky thay TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

ky thay
TS. Thái Lan Anh

ky thay
BsCK II. Lại Thị Nguyệt Hằng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số đơn vị học trình: 6 Lý thuyết: 4 Thực hành: 2
Phân bố thời gian (tiết): 250 Lý thuyết: 60 Thực hành: 90

Đối tượng sinh viên: **Sinh viên Điều dưỡng vừa học vừa làm**

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại và bộ môn Điều dưỡng người lớn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Là môn học cung cấp kiến thức, kỹ năng, thực hành trong chăm sóc bệnh ngoại khoa cơ bản.
- Môn học gồm 2 học phần: lý thuyết và thực hành, nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa trên lâm sàng

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kiến thức:

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa.
3. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa
4. Thực hiện được giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân mắc bệnh ngoại khoa khi nằm viện và ở cộng đồng.

Kỹ năng:

1. Nhận định được vấn đề chăm sóc của bệnh nhân cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp.
2. Sơ cứu được một số cấp cứu ngoại khoa.
3. Phối hợp tích cực, chính xác với bác sỹ trong điều trị và chăm sóc bệnh nhân.
4. Thực hiện được các chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa.
5. Thực hiện được một số vấn đề về truyền thông giáo dục sức khoẻ.
 - Chế độ dinh dưỡng, vận động, nghỉ ngơi sau mổ
 - Phát hiện sớm biến chứng sau mổ.
 - Tư vấn phòng bệnh.

Thái độ: Có thái độ say mê, nghiêm túc trong học tập; cẩn thận, tỉ mỉ, đảm bảo vô khuẩn trong chăm sóc bệnh nhân.

TT	TÊN BÀI HỌC	TIẾT GIẢNG		
		Lý thuyết	Thực hành	Giảng viên
1	Vai trò người điều dưỡng ngoại khoa	1	0	PGS.TS Duyệt
2	Những vấn đề chung ngoại khoa tiêu hóa	1	4	PGS.TS Duyệt
3	Chăm sóc bệnh nhân rò, áp xe quanh hậu môn, nứt kẽ hậu môn, trĩ	1	4	PGS.TS Duyệt
4	Chăm sóc bệnh nhân sỏi mật	2	4	PGS.TS Duyệt
5	Chăm sóc bệnh nhân viêm tụy cấp	2	2	PGS.TS Duyệt
6	Chăm sóc bệnh nhân gãy xương	2	2	BS Chuyên
7	Chăm sóc bệnh nhân gãy hai xương cẳng tay và gãy Pouteau – colles	1	2	BS Chuyên
8	Chăm sóc bệnh nhân trật khớp	1	2	BS Chuyên
9	Chăm sóc bệnh nhân gãy xương đùi	2	2	BS Chuyên
10	Chăm sóc bệnh nhân viêm xương tủy cấp	1	2	BS Chuyên
11	Chăm sóc bệnh nhân gãy cột sống có chèn ép tủy	1	2	BS Hùng B

12	Chăm sóc bệnh nhân chấn thương sọ não	2	2	BS Hùng B
13	Nhiễm khuẩn ngoại khoa – chăm sóc	2	2	BS Hưng B
14	Chăm sóc bệnh nhân lồng ruột	1	2	BS Hưng B
15	Chăm sóc bệnh nhân viêm ruột thừa cấp	1	2	BS Thắng D
16	Chăm sóc bệnh nhân thủng dạ dày – tá tràng	1	2	BS Thắng D
17	Chăm sóc bệnh nhân bỏng	2	2	BS Thắng D
18	Chăm sóc bệnh nhân hậu môn nhân tạo	1	4	ThS Thương
19	Chăm sóc bệnh nhân viêm màng bụng	1	2	ThS Thương
20	Chăm sóc bệnh nhân chấn thương bụng	1	4	ThS Thương
21	Chăm sóc bệnh nhân sỏi tiết niệu	1	2	ThS Thắng C
22	Chăm sóc bệnh nhân u xơ tuyến tiền liệt	2	4	ThS Thắng C
23	Chăm sóc bệnh nhân chấn thương thận	2	2	ThS Thắng C
24	Chăm sóc bệnh nhân thoát vị bẹn	1	2	BS Thanh
25	Chăm sóc bệnh nhân chấn thương lồng ngực	2	4	BS Thanh
26	Chăm sóc bệnh nhân viêm mũ màng phổi	1	2	BS Thanh
27	Chăm sóc bệnh nhân vết thương mạch máu	2	2	BS Thanh
28	Chăm sóc bệnh nhân sóc chấn thương	2	2	ThS Hùng E
29	Đại cương về chấn thương và chăm sóc	3	2	ThS Hùng E
30	Phòng mổ và trang thiết bị	2	2	ThS Hùng E
31	Gây mê, gây tê và chăm sóc	4	2	ThS Hùng E
32	Nhiệm vụ điều dưỡng phòng mổ và các thành viên trong cuộc mổ	2	4	ThS Hùng E
33	Chăm sóc bệnh nhân trước mổ	3	4	BS Tùng
34	Chăm sóc bệnh nhân sau mổ	4	4	BS Tùng
35	Chăm sóc bệnh nhân vết thương phần mềm	1	8	BS Nguyễn
	Tổng số tiết giảng	60	90	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy

*** Lý thuyết**

- Thuyết trình
- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực: Thảo luận nhóm, đóng vai, nghiên cứu tình huống, động não.

*** Thực hành: Tại bệnh viện**

- Đi buồng điểm bệnh, giao ban, bình bệnh án, giải thích, minh họa, mô phỏng, xem băng video, đóng vai

2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng lý thuyết và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra yêu cầu môn học.
- Tại khoa phòng bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các khoa phòng và tham gia trực theo sự phân công của bộ môn. Giảng viên giảng lâm sàng, sinh viên quan sát sau đó thực hành chăm sóc người bệnh dưới sự giám sát và chỉnh sửa của giảng viên, khám lâm sàng trên người bệnh tại buồng bệnh.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo giao ban,... lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cụ thể, tự thực hành các kỹ năng của Điều dưỡng, làm bài tập tình huống, sổ theo dõi thực hành lâm sàng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC.

3. Tài liệu giảng dạy:

- Bài giảng Điều dưỡng Ngoại khoa - Bộ môn Ngoại & PTTH Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế (2009), Điều Dưỡng Ngoại khoa tập 2, NXB Y học Hà Nội
- Bộ Y Tế (2006), Bệnh học ngoại khoa, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Thăm hỏi sinh viên về kiến thức liên quan

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bệnh viện (đi học đầy đủ, đi trực đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận..)

- Kiểm tra thường xuyên:

+ Lý thuyết

+ Thực hành

- Thi kết thúc học phần:

+ Lý thuyết: thi viết tự luận theo bộ câu hỏi ngắn

+ Thực hành:

Thi kỹ năng Điều dưỡng trên người bệnh

Thi vấn đáp: Lập kế hoạch chăm sóc trên người bệnh cụ thể

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng: Giao ban, giảng lâm sàng.

Khoa cấp cứu: Tiếp nhận bệnh nhân, nhận định ban đầu, phối hợp với bác sỹ sơ cứu, cấp cứu bệnh nhân.

Các khoa điều trị: Đi buồng điêm bệnh, khám, nhận định vấn đề chăm sóc, giảng lâm sàng, tham gia trực, thực hiện các thủ thuật, lập KHCS bệnh nhân.

Phòng mổ bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng: Kiến tập, tham gia phụ mổ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS *Phạm Văn Quyết*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: ĐIỀU DƯỠNG HỒI SỨC CẤP CỨU
ĐỐI TƯỢNG: CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA VỪA HỌC VỪA LÀM
SỐ ĐVHT: 3 (1/2)

Tổng số ĐVHT: 3

Lý thuyết: 1

Thực hành: 2

Phân bố thời gian (tiết):

Lý thuyết: 15

Thực hành: 60

Bộ môn phụ trách giảng dạy: bộ môn nội và bộ môn điều dưỡng người lớn

MÔ TẢ MÔN HỌC

- Là môn học cung cấp kiến thức, kỹ năng, thực hành trong chăm sóc, xử trí các cấp cứu và chăm sóc tích cực.
- Nội dung môn học: bao gồm những kiến thức cơ bản về xử trí, lập kế hoạch chăm sóc và thực hành chăm sóc hồi sức cấp cứu trên lâm sàng

MỤC TIÊU

4. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, cách sơ cứu và chăm sóc một số trường hợp cấp cứu thường gặp
5. Phụ giúp thầy thuốc thực hiện các thủ thuật và kỹ thuật cấp cứu hồi sức bệnh nhân.
6. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trong khoa hồi sức tích cực

NỘI DUNG

TT	TÊN BÀI	Số tiết		Tổng
		Lý thuyết	Lâm sàng	
1	Sơ cứu và chăm sóc bệnh nhân ngộ độc	2	12	14

2	Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân phù phổi cấp	2	4	6
3	Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân hôn mê	2	8	10
4	Phân loại, chăm sóc bệnh nhân sốc	2	4	6
5	Sơ cứu và chăm sóc bệnh nhân bị rắn cắn	1	4	5
6	Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân hen phế quản ác tính	1	4	5
7	Sơ cứu và chăm sóc bệnh nhân bị điện giật, đuối nước	2	8	10
8	Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân thở máy	1	4	5
9	Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân say nắng, say nắng	1	6	7
10	Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân tai biến mạch máu não	1	6	7
	Tổng số tiết	15	60	75

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy

*** Lý thuyết**

- Thuyết trình, thảo luận nhóm.
- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực:
 - + Thảo luận nhóm
 - + Đóng vai
 - + Nghiên cứu tình huống

*** Thực hành:** thực hành tại bệnh viện, đi buồng, điểm bệnh, đóng vai, bình bệnh án, giải thích, minh họa, mô phỏng, xem băng video.

2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng lý thuyết và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra yêu cầu môn học.

- Tại khoa phòng bệnh viện: sinh viên thực tập tại các khoa phòng và tham gia trực theo sự phân công của bộ môn, tham gia thảo luận, khám lâm sàng trên người bệnh tại buồng bệnh. Phương pháp động não, thảo luận nhóm.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo giao ban, bài học tình huống....Tự học trên bệnh nhân, tự học các kỹ năng, sổ theo dõi thực hành lâm sàng.

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

* Phần lý thuyết:

- Hình thức: thi viết

- Phương pháp: câu hỏi cổ điển cải tiến. Điểm thi lý thuyết là điểm kết thúc môn học

* Phần lâm sàng:

- Bộ thăm bệnh nhân: thi tay nghề và lập KHCS

TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC.

Tài liệu giảng dạy:

Tài liệu lưu hành nội bộ do các giảng viên biên soạn

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế (2009), điều dưỡng Nội tập 1, 2, NXB Y học Hà Nội


- Bộ Y Tế (2006), Bệnh học nội khoa, NXB Y học

- Điều dưỡng nội khoa (2014), Đại học điều dưỡng Nam Định

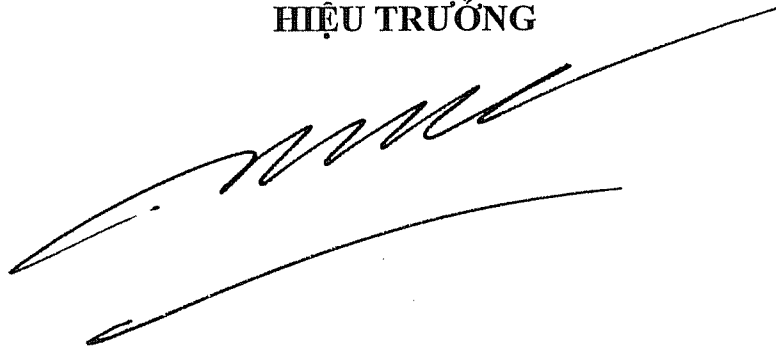
CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY: bộ môn Điều Dưỡng Người Lớn và bộ môn Nội, Trường Đại học Y Hải Phòng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 6 năm 2013

TRƯỞNG KHOA


Thái Lan BS

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA
ĐỐI TƯỢNG: CỬ NHÂN ĐA KHOA VỪA HỌC VỪA LÀM
SỐ ĐVHT: 6 (4/2)

Tổng số ĐVHT:6 **Lý thuyết: 4** **Thực hành: 2**
Phân bố thời gian (tiết): **Lý thuyết: 60** **Thực hành: 62**

MÔ TẢ MÔN HỌC

- Là môn học cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành trong chăm sóc người bệnh nội khoa của điều dưỡng
- Nội dung môn học: bao gồm những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch chăm sóc và thực hành chăm sóc người bệnh trên lâm sàng

MỤC TIÊU MÔN HỌC:

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh nội khoa thường gặp.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân nội khoa.
3. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc bệnh nhân
4. Thực hiện được giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân mắc bệnh nội khoa khi nằm viện và ở cộng đồng.

NỘI DUNG MÔN HỌC

TT	TÊN BÀI	Số tiết		Tổng
		Lý Thuyết	Lâm sàng	
1	Khám lâm sàng và cận lâm sàng bộ	1	1	2

	máy tuần hoàn			
2	Chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp	2	1	3
3	Chăm sóc bệnh nhân suy tim	2	2	4
4	Chăm sóc bệnh nhân đau thắt ngực	2	2	4
5	Chăm sóc bệnh nhân viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	2	1	3
6	Chăm sóc bệnh nhân viêm màng ngoài tim	2	2	4
7	Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp	2	1	3
8	Nhận định bệnh nhân mắc bệnh hô hấp	2	2	4
9	Hội chứng đông đặc điển hình và hội chứng tràn dịch màng phổi điển hình	2	1	3
10	Chăm sóc bệnh nhân viêm phổi thùy	2	2	4
11	Chăm sóc bệnh nhân áp xe phổi	2	1	3
12	Chăm sóc bệnh nhân ung thư phổi	2	1	3
13	Chăm sóc bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	2	1	3
14	Chăm sóc bệnh nhân ho ra máu	2	1	3
15	Chăm sóc bệnh nhân tim phổi mãn	2	2	4
16	Chăm sóc bệnh nhân hen phế quản	2	1	3
17	Chăm sóc bệnh nhân tràn dịch màng phổi	2	2	4
18	Khám lâm sàng và cận lâm sàng bộ máy tiêu hóa	1	1	2
19	Chăm sóc bệnh nhân bị nhiễm giun	2	1	3

	sán			
20	Chăm sóc bệnh nhân áp xe gan do amip	1	1	2
21	Chăm sóc bệnh nhân xơ gan	2	2	4
22	Chăm sóc bệnh nhân loét dạ dày – tá tràng	2	2	4
23	Chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao	2	1	3
24	Chăm sóc bệnh nhân thiếu máu	2	2	4
25	Chăm sóc bệnh nhân Hodgkin	2	2	4
26	Chăm sóc bệnh nhân Leucemie	2	2	4
27	Chăm sóc bệnh nhân Basedow	2	2	4
28	Chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường	2	2	4
29	Khám lâm sàng và cận lâm sàng hệ tiết niệu	1	1	2
30	Chăm sóc bệnh nhân suy thận mạn	2	2	4
31	Chăm sóc bệnh nhân viêm thận bể thận cấp	2	2	4
32	Chăm sóc bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	1	1	2
33	Chăm sóc bệnh nhân Lupus ban đỏ hệ thống	1	1	2
	Kỹ thuật đo DHST	0	1	1
	Phân loại rác thải bệnh viện	0	1	1
	Tiếp đón bệnh nhân vào viện, chuyển viện, ra viện	0	1	1
	Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu	0	1	1

	Kỹ thuật đặt sonde dạ dày	0	1	1
	Kỹ thuật ghi điện tâm đồ	0	1	1
	Hướng dẫn sử dụng bơm tiêm điện	0	1	1
	Chăm sóc bệnh nhân đặt stent	0	1	1
	Kỹ thuật khí dung	0	1	1
	Phụ giúp bác sĩ chọc dịch màng phổi	0	1	1
	Chuẩn bị bệnh nhân làm XN CLS: làm huyết đồ, tủy đồ, soi phế quản,	0	1	1
	Kỹ thuật tiêm Insulin	0	1	1
	Chăm sóc bệnh nhân chạy thận nhân tạo	0	1	1
	Tổng số tiết	60	62	122

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

* Lý thuyết

- Thuyết trình, thảo luận nhóm.
- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực:
 - + Thảo luận nhóm
 - + Đóng vai
 - + Nghiên cứu tình huống

* **Thực hành:** thực hành tại bệnh viện, đi buồng, điểm bệnh, đóng vai, bình bệnh án, giải thích, minh họa, mô phỏng, xem băng video.

PHƯƠNG PHÁP HỌC VÀ TỰ HỌC

- Sinh viên lên lớp nghe giảng lý thuyết và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra yêu cầu môn học.
- Tại khoa phòng bệnh viện: sinh viên thực tập tại các khoa phòng và tham gia trực theo sự phân công của bộ môn, tham gia thảo luận, khám lâm sàng trên người bệnh tại buồng bệnh. Phương pháp động não, thảo luận nhóm.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo giao ban, bài học tình huống....Tự học trên bệnh nhân, tự học các kỹ năng, số theo dõi thực hành lâm sàng.

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

* Phần lý thuyết:

- Hình thức: thi viết

- Phương pháp: câu hỏi cổ điển cải tiến. Điểm thi lý thuyết là điểm kết thúc

môn học

* Phần lâm sàng:

- Bộ thăm bệnh nhân: thi tay nghề và lập KHCS

TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC.

Tài liệu giảng dạy:

Tài liệu lưu hành nội bộ do các giảng viên biên soạn

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế (2009), điều dưỡng Nội tập 1, 2, NXB Y học Hà Nội

- Bộ Y Tế (2006), Bệnh học nội khoa, NXB Y học

- Điều dưỡng nội khoa (2014), Đại học điều dưỡng Nam Định

CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY: bộ môn Điều Dưỡng Người Lớn và bộ môn Nội, Trường Đại học Y Hải Phòng

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT ĐIỀU DƯỠNG NHI

ĐỐI TƯỢNG: Cử nhân điều dưỡng Đa khoa hệ Vừa học – Vừa làm

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số ĐVHT: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết) Lý thuyết: 30 Thực hành: 45

- *Môn học tiên quyết:* Điều dưỡng cơ bản, Điều dưỡng Nội khoa, Điều dưỡng Sản khoa
- *Môn học học trước:* Các môn học cơ bản, cơ sở: Giải phẫu, Sinh lý bệnh...
- *Môn học song hành:* Dịch tễ học, Điều dưỡng Ngoại khoa, truyền thông Giáo dục sức khỏe....
- *Bộ môn phụ trách giảng dạy:* Bộ môn Điều dưỡng Nhi – khoa Điều dưỡng
Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. PGS.TS Đặng Văn Chúc - Trưởng bộ môn
2. Ths. Nguyễn Thanh Xuân – Giáo vụ bộ môn
3. PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng – Trưởng bộ môn Nhi
4. PGS.TS Đinh Văn Thức – Giảng viên bộ môn Nhi
5. Ths. Trần Thị Thắm - Giảng viên bộ môn Nhi
6. Ths. Chu Thị Hà - Giảng viên bộ môn Nhi
7. Ths. Phạm Thị Ngọc - Giảng viên bộ môn Nhi
8. BSNT. Trần Thị Hải Yến - Giảng viên bộ môn Nhi

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em; Các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển; Chăm sóc sức khỏe cho trẻ em (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc một số bệnh thường gặp)

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em. Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chăm sóc các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho trẻ em.

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN.

1. Mục tiêu chung: Sau khi học xong sinh viên phải:

- Mô tả được đặc điểm giải phẫu, tâm lý, sinh lý và các giai đoạn phát triển của trẻ.
- Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng, liều lượng thuốc, lịch tiêm chủng và tai biến khi tiêm ở trẻ em
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, xử trí và phòng các bệnh thường gặp ở trẻ
- Xử trí cấp cứu ban đầu các bệnh nhi mắc bệnh, lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh.
- Lập và thực hiện được chăm sóc, theo dõi trẻ bệnh và tư vấn giáo dục sức khỏe.

2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho trẻ em, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và hợp tác tốt với đồng nghiệp trong chuyên môn, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;
- Nắm vững những kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý ở trẻ em để chăm sóc và phòng bệnh cho trẻ em.
- Có kiến thức để xử trí được các bệnh và tình trạng cấp cứu nhi khoa thường gặp
- Nắm vững phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.
- Nắm vững đúng chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ cho trẻ em.

Về kỹ năng

- Kỹ năng thăm khám trẻ bình thường, đánh giá được sự phát triển thể chất, tâm thần, vận động của trẻ khỏe mạnh.
- Phát hiện được các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý thường gặp ở trẻ em.
- Chăm sóc các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường ở trẻ em.
- Thực hiện được các kỹ năng cơ bản của Điều dưỡng lâm sàng nhi khoa.
- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khoẻ cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- Phát hiện sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch cho trẻ em.
- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho bà mẹ và người nuôi trẻ về chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho trẻ em để bảo vệ và nâng cao sức khoẻ cho trẻ em.

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	Tên bài học	Tiết giảng		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Nuôi dưỡng trẻ em	2	2	4

<p>I. Nuôi con bằng sữa mẹ</p> <p>1. Đại cương:</p> <p>2. Những lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ</p> <p> 2.1. Sữa non:</p> <p> 2.2. Sữa mẹ thích hợp cho sự tăng trưởng đặc biệt là não bộ trẻ em:</p> <p> 2.3 Sữa mẹ là chất dinh dưỡng hoàn hảo dễ tiêu hóa và hấp thụ:</p> <p>3. Sinh lý sự bài tiết sữa</p> <p> 3.1.Sự bài tiết sữa:</p> <p> 3.2. Chất ức chế tổng sữa mẹ:</p> <p> 3.3. Một số yếu tố hỗ trợ cho sự tiết sữa.</p> <p>4. Bảo vệ nguồn sữa mẹ</p> <p> 4.1. Chăm sóc 2 bầu vú mẹ:</p> <p> 4.2. Đảm bảo dinh dưỡng cho người mẹ khi mang thai và cho con bú.</p> <p> 4.3. Lao động hợp lý</p> <p> 4.4. Tinh thần thoải mái, vui vẻ khi cho con bú</p> <p> 4.5. Không sử dụng thuốc tùy tiện</p> <p> 4.6.Không để sữa ứ đọng trong vú</p> <p> 4.7. Không nịt vú quá chặt</p> <p>5.Nuôi con bằng sữa mẹ</p> <p> 5.1. Cách cho con bú</p> <p> 5.2. Chế độ ăn của trẻ trong thời kỳ bú</p>			
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--

	<p>mẹ.</p> <p>II. Ăn nhân tạo, ăn hỗn hợp và ăn bổ sung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chế độ ăn nhân tạo 2. Ăn hỗn hợp. 3. Ăn bổ sung. <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Các loại thức ăn bổ sung 3.2. Thức ăn cung cấp Protêin 3.3. Thức ăn cung cấp năng lượng: 3.4. Thức ăn cung cấp vitamin và muối khoáng. 3.5. Cách cho ăn. 3.6. Cách nấu thức ăn bổ sung 			
2	<p>Sử dụng thuốc cho trẻ em</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số đặc điểm của trẻ em có liên quan đến việc dụng thuốc 2. Nguyên tắc sử dụng thuốc <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Lựa chọn thuốc 2.2 Đường đưa thuốc vào cơ thể 3. Cách tính liều lượng thuốc cho trẻ em 4. Cách kê đơn thuốc cho trẻ em 5. Thuốc kháng sinh <ol style="list-style-type: none"> 5.1 Định nghĩa 5.2 Nguyên tắc sử dụng <ol style="list-style-type: none"> 5.2.1 Nguyên tắc chung. 5.2.2 Nguyên tắc chọn kháng sinh 5.3 Phối hợp kháng sinh <ol style="list-style-type: none"> 5.3.1. Ưu điểm: 	3	5	8

	<p>5.3.2. Nhược điểm:</p> <p>5.3.3. Phân loại kháng sinh</p> <p>5.3.4. Nguyên tắc phối hợp kháng sinh</p>			
3	<p><i>Thiếu máu và chăm sóc bệnh nhi thiếu máu</i></p> <p>1. Định nghĩa:</p> <p>2. Phân loại TM</p> <p> 2.1. Thiếu máu do quá trình tạo máu</p> <p> 2.2. Thiếu máu do tan máu</p> <p> 2.3. Thiếu máu do chảy máu:</p> <p>3. Thiếu máu thiếu sắt hay thiếu máu dinh dưỡng</p> <p> 3.1. Đại cương</p> <p> 3.2. Nguyên nhân thiếu sắt</p> <p> 3.3. Triệu chứng thiếu máu thiếu sắt:</p> <p> 3.4. Phòng bệnh</p> <p> 3.5. Lập kế hoạch chăm sóc</p> <p> 3.5.1. Nhận định</p> <p> 3.5.2. Chẩn đoán chăm sóc</p> <p> 3.5.3. Mục tiêu chăm sóc</p> <p> 3.5.4. Tiến hành chăm sóc</p> <p> 3.5.5. Đánh giá</p>	3	2	5
4	<p><i>Xuất huyết và chăm sóc trẻ em xuất huyết</i></p> <p>1. Nguyên nhân.</p> <p> 1.1. Thể xuất hiện sớm:</p>	3	2	5

	<p>1.1.1. Trong tuần đầu sau đẻ:</p> <p>1.1.2. Từ ngày thứ 30 đến ngày thứ 60 sau đẻ</p> <p>1.2. Thể xuất hiện muộn</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng:</p> <p>2.1. Thể sớm</p> <p>2.2. Thể muộn</p> <p>3. Lập kế hoạch chăm sóc</p> <p>3.1. Nhận định:</p> <p>3.2. Chẩn đoán điều dưỡng:</p> <p>3.3. Can thiệp điều dưỡng:</p> <p>3.4. Dinh dưỡng và vệ sinh.</p>			
5	<p>Sốc và chăm sóc bệnh nhi sốc</p> <p>1. Dịch tễ học:</p> <p>2. Cơ chế bệnh sinh các giai đoạn của sốc</p> <p>3. Phân loại nguyên nhân</p> <p>4. Triệu chứng</p> <p>5. Kế hoạch chăm sóc</p> <p>5.1. Nhận định:</p> <p>5.2 Chẩn đoán chăm sóc</p> <p>5.3. Xử trí và chăm sóc bệnh nhi sốc.</p> <p>5.3.1. Nguyên tắc chung.</p> <p>5.3.2. Chăm sóc và xử trí ban đầu.</p> <p>5.3.3. Xử trí tiếp theo nguyên nhân gây sốc.</p>	2	2	4
6	<p>Suy tim và chăm sóc trẻ em suy tim</p> <p>1. Định nghĩa</p>	2	2	4

	<p>2. Lý do vào viện:</p> <p>3. Hỏi bệnh sử:</p> <p>4. Hỏi tiền sử</p> <p>5. Lâm sàng</p> <p>6. Xét nghiệm</p> <p>7. Chẩn đoán:</p> <p>8. Điều trị</p> <p>9. Tiên lượng:</p> <p>10. Phòng bệnh</p> <p>11. Chăm sóc</p> <p> 11.1. Nhận định tình hình</p> <p> 11.2. Quan sát:</p> <p> 11.3. Thăm khám:</p> <p> 11.4. Thu thập các dữ kiện:</p> <p> 11.5. Chăm sóc cơ bản:</p> <p> 11.6. Thực hiện y lệnh:</p> <p> 11.7. Theo dõi:</p> <p> 11.8. Giáo dục sức khoẻ:</p> <p> 11.9. Thực hiện chăm sóc cơ bản:</p> <p> 11.10. Thực hiện y lệnh của thầy thuốc:</p> <p> 11.11. Giáo dục sức khoẻ:</p>			
7	<p><i>Khó thở và chăm sóc trẻ em khó thở</i></p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Xác định khó thở:</p> <p> 2.1. Xác định khó thở</p> <p> 2.2. Tính chất khó thở:</p>	4	5	9

<p>2.3. Khám.</p> <p>3. Phân loại khó thở</p> <p>3.1. Khó thở có rối loạn nhịp thở</p> <p>3.2. Khó thở hỗn hợp</p> <p>4. Triệu chứng</p> <p>4.1. Lâm sàng.</p> <p>4.1.1. Triệu chứng về hô hấp:</p> <p>4.1.2. Triệu chứng tim mạch:</p> <p>4.1.3. Triệu chứng thần kinh:</p> <p>4.2.4 Các dấu hiệu khác:</p> <p>4.2. Xét nghiệm:</p> <p>5.Chẩn đoán chăm sóc bệnh nhân khó thở:</p> <p>5.1. Khó thở kèm theo nhưng cơn ngừng thở:</p> <p>5.2. Khó thở thanh quản.</p> <p>5.3. Khó thở hỗn hợp, chủ yếu khó thở ra:</p> <p>5.4. Rối loạn nhịp thở:</p> <p>6. Chăm sóc trẻ em khó thở</p> <p>6.1. Nguyên tắc</p> <p>6.2. Một số biện pháp chăm sóc trẻ em bị khó thở.</p> <p>6.3.Điều chỉnh tình trạng nhiễm toan:</p> <p>6.4. Duy trì hoạt động của tim mạch:</p> <p>6.5. Chống kiệt sức:</p> <p>6.6. Chống rét:</p>			
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--

	<p>6.7. Chống nhiễm khuẩn:</p> <p>6.8. Điều trị nguyên nhân:</p>			
8	<p><i>Truyền máu và chế phẩm máu</i></p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Chỉ định</p> <p>3. Chống chỉ định</p> <p>4. Các bước tiến hành</p> <p> 4.1. Chuẩn bị dụng cụ</p> <p> 4.2. Chuẩn bị điều dưỡng</p> <p> 4.3. Chuẩn bị bệnh nhân</p> <p> 4.4. Tiến hành</p> <p>5. Đánh giá</p> <p>6. Hướng dẫn bệnh nhi và gia đình bệnh nhi</p>	2	2	4
9	<p><i>Tiêm chủng và tai biến do tiêm chủng</i></p> <p>1. Những điều cần thiết cho một chương trình tiêm chủng:</p> <p>2. Sự cần thiết phải tiêm chủng 6 vaccin phổ biến ở các nước đang phát triển và ở Việt Nam.</p> <p> 2.1. Lao:</p> <p> 2.2. Sởi:</p> <p> 2.3. Uốn ván rốn:</p> <p> 2.4. Bạch hầu:</p> <p> 2.5. Ho gà:</p> <p> 2.6. Vaccin chống bại liệt:</p> <p>3. Chỉ định và chống chỉ định của các loại</p>	2	2	4

	<p>vaccin:</p> <p>3.1. Chỉ định:</p> <p>3.2. Chống chỉ định:</p> <p>4. Lịch tiêm chủng:</p> <p>5. Lịch tiêm nhắc lại:</p> <p>6. Đối với bà mẹ có thai:</p> <p>7. Phụ nữ trước tuổi sinh đẻ:</p> <p>8. Chăm sóc trẻ tiêm phòng.</p> <p>8.1. Các biến chứng</p> <p>8.2. Xử trí</p>			
10	<p><i>Ngộ độc và chăm sóc trẻ em ngộ độc</i></p> <p>A. Nguyên tắc điều trị ngộ độc</p> <p>1. Loại trừ chất độc khỏi cơ thể.</p> <p>1.1. Gây nôn:</p> <p>1.2. Rửa dạ dày:</p> <p>1.3. Nhuận tràng.</p> <p>1.4. Gây bài niệu mạnh</p> <p>1.5. Thay máu</p> <p>1.6. Lọc máu ngoài cơ</p> <p>2. Giải độc.</p> <p>2.1. Phương pháp không đặc hiệu</p> <p>2.2 Phương pháp đặc hiệu:</p> <p>3. Điều trị các rối loạn chức năng.</p> <p>B. Chăm sóc bệnh nhi ngộ độc thức ăn</p> <p>1. Mục đích</p> <p>2. Chuẩn bị</p> <p>2.1. Bệnh nhi</p>	2	2	4

	<p>2.2. Người thực hiện :</p> <p>2. 3. Nơi thực hiện :</p> <p>3. Các bước tiến hành</p> <p>4. Đánh giá, ghi hồ sơ và báo cáo.</p> <p>5. Hướng dẫn bệnh nhi và gia đình</p>			
11	<p>Vàng da do tăng Billirubin tự do và chăm sóc</p> <p>1. Chuyển hóa Billirubin trong cơ thể</p> <p>1.1. Nguồn gốc Bilirubin</p> <p>1.2. Các giai đoạn chuyển hoá:</p> <p>2. Lâm sàng và cận lâm sàng</p> <p>2.1. Hỏi bệnh:</p> <p>2.2. Khám lâm sàng</p> <p>2.3. Các yếu tố nặng</p> <p>2.4. Xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán nguyên nhân</p> <p>3. Nguyên nhân vàng da</p> <p>3.1. Vàng da do sản xuất quá mức Billirubin</p> <p>3.2. Vàng da do giảm bài xuất Billirubin</p> <p>3.3. Vàng da do nhiễm trùng hay vàng da hỗn hợp.</p> <p>4. Kế hoạch chăm sóc trẻ vàng da</p> <p>4.1. Nhận định vàng da:</p> <p>4.2. Chẩn đoán lâm sàng.</p> <p>4.3. Mục tiêu chăm sóc.</p>	2	2	4

	<p>4.4. Kế hoạch chăm sóc.</p> <p>4.5. Đánh giá:</p>			
12	<p>Chậm phát triển thể chất và chăm sóc</p> <p>1.Sự phát triển thể chất ở trẻ em</p> <p>1.1.Sự phát triển chiều cao và cân nặng</p> <p>1.2.Sự phát triển vòng đầu.</p> <p>1.3.Sự phát triển vòng ngực.</p> <p>1.4.Vòng cánh tay.</p> <p>1.5.Tỷ lệ giữa các phần của cơ thể.</p> <p>1.5.1.Tỷ lệ giữa chiều cao đầu và chiều cao toàn thân</p> <p>1.5.2.Chiều cao của thân</p> <p>1.5.3.Tỷ lệ chiều dài của chi dưới so với chiều cao đứng.</p> <p>2.Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em.</p> <p>2.1.Những yếu tố bên trong hay nội sinh</p> <p>2.2.Những yếu tố bên ngoài hay ngoại sinh</p> <p>3.Cách đánh giá chậm phát triển thể chất</p> <p>3.1.Dựa vào biểu đồ tăng trưởng của Bộ Y Tế- UNICEF (1990)</p> <p>3.2.Dựa vào phân loại theo mức độ SDD của WHO (1981)</p> <p>3.3.Dựa vào phân loại theo Waterlow</p>	3	2	5

(1976): 3.4. Dựa vào phân loại SDD theo Wellcome (1970). 4. Thức ăn cung cấp cho trẻ 5. Lập kế hoạch chăm sóc trẻ chậm phát triển thể chất.			
Tổng cộng tiết giảng	30	30	60
Số ĐVHT	2	1	3

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Phương pháp dạy:

- *Lý thuyết:* Tổ chức dạy học tại trường:

- Thuyết trình
- Áp dụng phương pháp dạy-học tích cực:
 - + Thảo luận nhóm
 - + Đóng vai
 - + Nghiên cứu tình huống

- *Thực hành:* Tại bệnh viện:

- Giải thích, minh họa, mô phỏng, xem băng video
- Hướng dẫn trên bệnh nhân

2. Phương pháp học và tự học.

- Sinh viên lên lớp tham gia nghe giảng lý thuyết và thảo luận nhóm theo yêu cầu của bài học
- Thực tập tại bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các khoa phòng và tham gia trực theo phân công của bộ môn, tham gia thảo luận, khám lâm sàng trên người bệnh tại buồng bệnh.

- Sinh viên tự học; Chuẩn bị bệnh nhân, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo giao ban... Tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng, làm bài tập tình huống, sổ theo dõi thực hành lâm sàng.

VI. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. Đánh giá ban đầu: Hỏi thăm tình hình học tập của sinh viên khi học các môn học trước.

2. Đánh giá trong quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bệnh viện (đi học đầy đủ, đi trực đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận..)
- Thái độ học tập, tham gia các hoạt động thảo luận nhóm khi học tập tại bộ môn.

Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình sẽ là điều kiện thi kết thúc học phần.

3. Thi kết thúc học phần:

- Thi lâm sàng: Thi vấn đáp kế hoạch chăm sóc
 - o *Điểm thi lâm sàng = Điểm thi vấn đáp*
- Thi lý thuyết: Viết tự luận theo bộ câu hỏi ngắn
- Áp dụng thang điểm 10

VII. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

1. Lý thuyết

- Phòng học rộng rãi, đủ bàn ghế, phấn bảng, máy chiếu, loa, micro,...

2. Thực hành

- Sinh viên học lâm sàng tại bệnh viện
- Bình kế hoạch chăm sóc tại giảng đường

VIII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy :

Điểm thi lý thuyết = (Điểm thi vấn đáp + Điểm thi lâm sàng) / 2

Điều dưỡng Nhi khoa - Bộ môn Điều dưỡng Trẻ Em, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Tài liệu lưu hành nội bộ

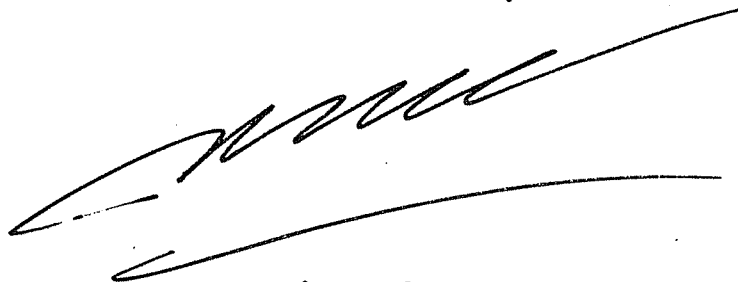
2. Tài liệu tham khảo:

- Điều dưỡng Nhi Khoa, Nhà xuất bản Y học, 2017
- Điều dưỡng Nhi Khoa, sách đào tạo cử nhân Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học, 2008
- Điều dưỡng Nhi Khoa, sách đào tạo cao đẳng Điều dưỡng, Nhà xuất bản Giáo dục, 2009
- Điều dưỡng Nhi Khoa/ Bộ Y tế - vụ khoa học và Đào tạo, Nhà xuất bản Y học, 2008
- Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em, nhà xuất bản Y học 2004
- Bài giảng nhi khoa - Tập 1 : Sách dùng cho sinh viên đa khoa, Đại học Y Dược Hải Phòng Nhà xuất bản Y học, 2013.
- Bài giảng nhi khoa - Tập 2 : Sách dùng cho sinh viên đa khoa , – Đại học Y Dược Hải Phòng , Nhà xuất bản Y học, 2013.
- Bài giảng nhi khoa tập 1, 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2003
- Pediatric nursing / Martha Velasco-Whetsell. - NewYork : McGraw-Hill, 2000.
- Pediatric Nursing an introductory text : Jean Weiler Ashwill.-. - Edition. - London : W.B.Saunders Company, 1992
- Winningham's critical thinking cases in nursing : Medical-Surgical, Pediatric, Paternity and Psychiatric. - 6th ed. - Missouri : Elsevier, 2016. - . ;
- Wong's nursing care of infants and children. - 10th ed. - Missouri : Elsevier, 2015.
- Pediatric nursing / Wong Donna L.. - 5th ed. - USA : Nancy, 1997.

- Winningham's critical thinking cases in nursing : Medical-Surgical,
Pediatric, Paternity and Psychiatric. - 6th ed. - Missouri : Elsevier, 2016

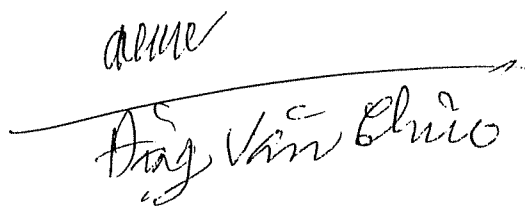
Chịu trách nhiệm giảng dạy: **BỘ MÔN ĐIỀU DƯỠNG NHI - TRƯỜNG
ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chừo*

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm Văn Chừo


Hải Phòng, ngày 01 tháng 08 năm 2013

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số ĐVHT: 04 (1/1) Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Số tiết học: 60 Lý thuyết: 15 Thực hành : 45

Đối tượng: CN ĐD CQ, tại chức

II. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

1. Xác định được người bình thường, khiếm khuyết, giảm chức năng, khuyết tật
2. Xác định các nhu cầu chăm sóc, phục hồi chức năng cho người bệnh, khiếm khuyết, giảm chức năng, tàn tật.
3. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc bình thường
4. Ứng xử đúng đắn với người tàn tật và các thành viên trong nhóm phục hồi chức năng

III. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	SỐ TIẾT HỌC		
	LT	TH	Ghi chú
1. Quá trình tàn tật và chiến lược phòng ngừa	1	0	
2. Đại cương về PHCN	2	0	
3. Các phương thức VLTL thường gặp		6	
4. Thử cơ bằng tay	1	3	
Đo tầm vận động khớp	1	3	
5. Sự phát triển bình thường của trẻ từ 0-16 tuổi và các KT bẩm sinh thường gặp	2	8	
6. PHCN bệnh nhân sau mổ	1	4	
7. PHCN bệnh nhân TT thần kinh ngoại biên	1	4	
8. PHCN bệnh nhân gãy xương	1	4	
9. PHCN bệnh nhân liệt sau TBMN	2	8	
10. Vai trò của công tác điều dưỡng trong PHCN cho NKT	1	5	
TỔNG	15	45	

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY- HỌC

4.1. Phương pháp dạy/ học:

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành, thực tập tại Bệnh viện, dạy học bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh.

4.2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên đọc bài trước khi đến lớp, nghe giảng lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm.
- Khi thực hành lâm sàng, sinh viên được kiến tập, được hướng dẫn thăm khám lâm sàng và được thăm khám bệnh nhân trên lâm sàng dưới sự giám sát của giảng viên, làm bệnh án trình bày ca lâm sàng, thảo luận nhóm.

V. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

5.1. Tài liệu giảng dạy:

Giáo trình Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng, Bộ môn Phục hồi chức năng- Trường Đại học Y Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

1. *Tài liệu Phục hồi chức năng phát tay*, Bộ môn Phục hồi chức năng- Trường Đại học Y Hải Phòng.
2. Trần Trọng Hải, Trần Quý Tường, Cao Minh Châu, Trần Văn Chương và cs (2010), *Bộ tài liệu Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học.
3. Phạm Văn Thúc, Nguyễn Ngọc Sáng (2012), *Phương pháp dạy- học lâm sàng cho điều dưỡng*, Nhà xuất bản Y học.

VI. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

6.1. Cơ sở thực hành:

- Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Việt Tiệp

6.2. Máy móc trang thiết bị:

- Một số trang thiết bị Vật lý trị liệu: Đèn hồng ngoại, máy vi sóng, điện phân, điện xung, máy kéo giãn cột sống, dụng cụ hoạt động trị liệu, tập với dụng cụ khớp vai, khớp gối ...

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

7.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Phục hồi chức năng.
- Yêu cầu: sinh viên nhớ- hiểu kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học môn Phục hồi chức năng.

7.2. Đánh giá quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học đầy đủ trên lớp lý thuyết và thực hành tại bệnh viện.
- Chuẩn bị tốt theo yêu cầu, tích cực trong hoạt động thảo luận nhóm và trên lớp.

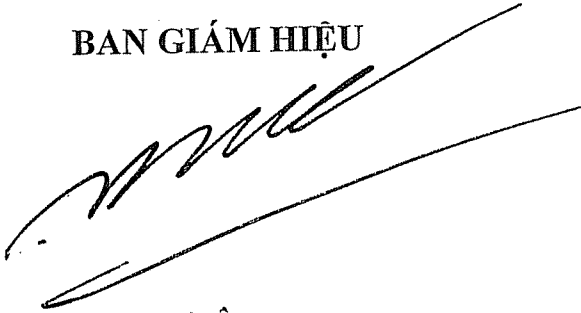
7.3. Đánh giá hết môn: Hình thức thi:

- Thi thực hành: thi vấn đáp hoặc tình huống lâm sàng.
 - Thi lý thuyết: thi viết
- Trọng số (%) các điểm: đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần.

Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Phục hồi chức năng

STT	TÊN GIẢNG VIÊN	CHỨC VỤ
1	Ths. Vũ Văn Túy	P. Trưởng phụ trách BM
2	Ths. Bùi Thị Bích Ngọc	Giảng viên
3	Bs. Đoàn Thị Thanh Hà	Giảng viên
4	Bs. Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Giảng viên

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Hải Phòng, ngày tháng năm
PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



Ths. Vũ Văn Túy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC THẦN KINH (Cử nhân điều dưỡng hệ liên thông vừa làm vừa học)

3. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số học phần: 1

Số ĐVHT: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Đối tượng sinh viên: Cử nhân điều dưỡng

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Thần Kinh

Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Ths. Ngô Văn Dũng: Phụ trách Bộ môn
- Ths. Nguyễn Tuấn Lượng: Giảng viên-Giáo vụ Bộ môn
- Ths. Đào Thị Hồng Hải: Giảng viên
- Ths. Chu Thị Thuận: Giảng viên

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về giải phẫu hệ Thần kinh, liên quan giữa giải phẫu và lâm sàng. Chẩn đoán chăm sóc và lập được kế hoạch chăm sóc một số bệnh lý thần kinh thường gặp, tư vấn phòng bệnh và hướng dẫn tập phục hồi chức năng một số bệnh có di chứng.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về giải phẫu, chức năng hệ thần kinh, liên quan giữa giải phẫu và lâm sàng.

2. Chẩn đoán chăm sóc được một số bệnh thần kinh thường gặp và ra quyết định điều trị những dấu hiệu triệu chứng chăm sóc phù hợp.
3. Kiến tập thủ thuật cơ bản như chọc dò dịch não tủy.
6. Giáo dục sức khỏe, tư vấn phòng bệnh, tập phục hồi chức năng, hạn chế biến chứng, di chứng cho người bệnh, đặc biệt trong bệnh tai biến mạch não.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Tên bài	Số tiết LT	Số tiết LS
Chăm sóc BN động kinh.	2	5
Chăm sóc BN viêm đa rễ và dây thần kinh cấp tính.	2	5
Chăm sóc bệnh nhân nhược cơ.	1	4
CSBN tổn thương tủy sống.	2	6
Đại cương tổn thương TK TW & NB	1	4
CSBN đau thần kinh tọa.	1	4
CSBN Tai biến mạch não	2	6
Chăm sóc bệnh nhân hôn mê.	2	6
CSBN liệt hai chân.	2	5
Tổng số	15	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Học lý thuyết tại:

- Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Giảng đường khoa thần kinh bệnh viện Việt Tiệp HP
- Phương pháp giảng dạy: Trình chiếu, phân viết bảng.

5.2. Học lâm sàng tại:

- Khoa Thần Kinh Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng.

- Phương pháp: Ca lâm sàng.

6. Tài liệu học tập

1. Bài giảng lý thuyết CNĐD chuyên ngành thần kinh do bộ môn biên soạn.
2. Điều dưỡng hồi sức cấp cứu, NXB giáo dục Việt Nam, 2011.
3. Clinical Neurology, 2005
4. Textbook of clinical neurology 2004
5. Triệu chứng học thần kinh, đào tạo bác sĩ đa khoa, nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2008.
6. Thực hành Thần Kinh các bệnh và hội chứng thường gặp, 2008.
7. Ultimate review for the neurology boards, 2008

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Lượng giá trước học phần: Giảng viên đặt các câu hỏi nhỏ

- Lượng giá trong quá trình học:

+ Câu hỏi, tình huống lâm sàng

+ Theo dõi sĩ số, thái độ học tập của sinh viên

- Lượng giá kết thúc:

Điều kiện thi kết thúc môn học:

+ Sử dụng kết quả quá trình ban đầu và kết quả trong quá trình là điều kiện thi kết thúc môn học.

+ Thi kết thúc môn học: hình thức thi vấn đáp

. Kiểm tra lý thuyết: câu hỏi lý thuyết

. Kiểm tra thực hành: câu hỏi nhỏ, các tình huống lâm sàng.

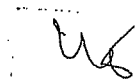
. Điểm đánh giá: $(LT+TH)/2$.

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

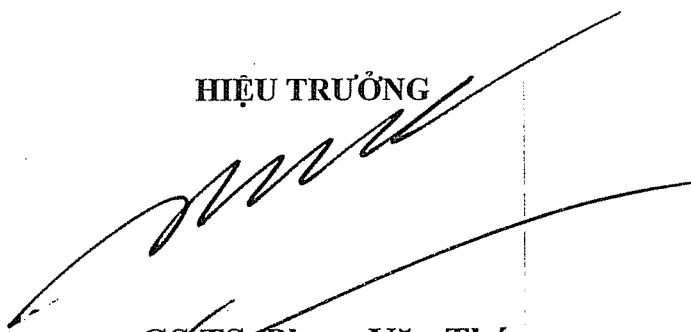
8.2. Thực hành: Khoa Thần kinh bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng với trang thiết bị khám chữa bệnh, giảng dạy phù hợp với nội dung bài giảng

TRƯỞNG PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Ngô Văn Dũng

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y

HẢI PHÒNG

BỘ MÔN LAO VÀ BỆNH PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN LAO VÀ BỆNH PHỔI

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số ĐVHT: 2 Lý thuyết: 1 Lâm sàng: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 30

Số giờ tự học: 20 tiết

Đối tượng sinh viên: Cử nhân điều dưỡng chính quy và CNDD hệ vừa học vừa làm

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lao và bệnh phổi

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành lao và bệnh phổi. Bao gồm những kiến thức về lập kế hoạch chăm sóc và chăm sóc cụ thể các bệnh lý về lao: lao phổi, lao các cơ quan khác...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1 Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về bệnh lao, vi khuẩn lao

3.2 Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các phương pháp phát hiện vi khuẩn lao của các thể lao.

3.3 Trình bày được cách lập kế hoạch chăm sóc các thể bệnh lao.

3.4 Trình bày được nguyên tắc điều trị và chăm sóc cụ thể các thể bệnh lao, hiểu rõ các thuốc chống lao.

3.5 Trình bày được các phương pháp phòng bệnh lao.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1 Lý thuyết

STT	Tên bài giảng lý thuyết	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Đặc điểm cơ bản bệnh lao	01	00	PGS.TS. Phục
2	Chăm sóc bệnh nhân Lao màng não	01	01	
3	Chăm sóc bệnh nhân Lao hạch	01	01	TS. Điện
4	Phản ứng Mantoux	01	00	
5	Chăm sóc bệnh nhân lao phổi	01	01	
6	Chăm sóc Cấp cứu Ho ra máu	01	01	ThS. Thọ
7	Chăm sóc Tràn khí màng phổi	01	01	
8	Chăm sóc bệnh nhân lao sơ nhiễm	01	01	PGS.TS. Phục
9	Vi khuẩn lao	01	00	
10	Chăm sóc bệnh nhân lao xương khớp	01	01	
11	Chăm sóc bệnh nhân lao màng phổi	01	01	PGS.TS. Phục
12	Chăm sóc điều trị bệnh lao	01	01	
14	Chăm sóc Phòng bệnh lao	01	01	
15	Giải đáp thắc mắc	01	00	

4.2 Thực hành

STT	Tên bài giảng thực hành	Số tiết		Giảng viên
		TH	Tự học	
1	Gặp gỡ Sinh viên	02	00	ThS. Thọ
2	Thực hành chăm sóc bệnh nhân lao màng não	03	01	
3	Thực hành chăm sóc bệnh nhân lao hạch	02	01	
4	Thực hành chăm sóc bệnh nhân lao phổi	03	02	TS. Điện
5	Thực hành chăm sóc bệnh nhân lao màng phổi	03	01	ThS. Thọ
6	Thực hành vi khuẩn lao	02	00	
7	Thực hành chăm sóc bệnh nhân lao xương khớp	03	01	
8	Thực hành thuốc trong điều trị lao	03	01	
9	Thực hành chăm sóc bệnh nhân lao sơ nhiễm	03	02	TS. Điện
10	Thực hành cấp cứu HRM và TKMP	04	02	

11	Giao ban hàng ngày	01	00	
12	Đọc kết quả phản ứng Mantoux	01	01	BSCKII.Tuần

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Giảng lý thuyết trên lớp, thiết kế bài giảng lấy sinh viên làm trung tâm. Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm.
- Thực hành: Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch chăm sóc và chăm sóc trên bệnh nhân cụ thể. Bình các kế hoạch chăm sóc của các thể bệnh lao trên bệnh nhân cụ thể.

5.2 Phương pháp học:

- Lý thuyết: Sinh viên chuẩn bị bài và đọc các bài lý thuyết trước, nghe giảng và thảo luận trong bài giảng.
- Lâm sàng: Đi học lâm sàng đầy đủ, khám bệnh và chăm sóc bệnh nhân tỉ mỉ, kỹ càng, trao đổi với bạn cùng học, giảng viên của bộ môn khi có thắc mắc.
- Tự học: Chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu, nghiên cứu lại các bài đã học, đọc thêm các sách tham khảo cùng chuyên ngành.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy:

Thực hành chăm sóc bệnh nhân lao – Bộ môn Lao và bệnh phổi, ĐHY Hải Phòng: Tài liệu học tập do bộ môn biên soạn.

6.2 Tài liệu tham khảo:

- Bệnh học lao và bệnh học phổi : T1 / Viện lao và bệnh phổi.-. - H. : Y học, 1996. - T2:472 tr. ; 24 cm
- Bệnh học lao và bệnh học phổi : T2 / Viện lao và bệnh phổi. - H. : Y học, 1994. - T1:357 tr.;24 cm
- Bệnh lao phổi / Gao Bei Li. - H. : Nxb. Hà Nội, 2004. - 163tr. ; 19 cm.
- Bệnh lao quá khứ hiện tại và tương lai / Trần Văn Sáng. - H. : Y học, 1997. - 90 tr. ; 19 cm.

- Bệnh lao trẻ em / Trần Văn Sáng. - H. : Y học, 1998. - 232 tr. ; 19 cm
- Các phương pháp phát hiện, chẩn đoán lao phổi, lao kê, lao màng não / Hoàng Minh. - H. : Y học, 2002. - 202tr. ; 25cm
- Hướng dẫn kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao kháng đa thuốc. - H. : Y học, 2010. - 119tr. ; 27cm
- Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Lao và bệnh phổi : Ban hành kèm theo Quyết định số 1918/QĐ-BYT ngày 04 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế / Nguyễn Việt Cồ. - H. : Y học, 2015. - 123tr. ; 27cm
- Hướng dẫn quy trình thực hành chuẩn xét nghiệm vi khuẩn lao. - H. : Y học, 2012. - 399tr. ; 27cm

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

7.1 Đánh giá dựa trên:

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận trên lớp.
- Kiểm tra kết thúc học phần

7.2 Hình thức đánh giá: Thi kết thúc học phần: thi vấn đáp.

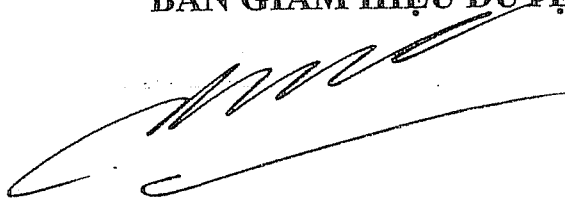
7.3 Trọng số % các điểm: Thi kết thúc học phần: 100%

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Trang bị giảng đường với đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập: Bảng, bàn ghế, máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh (Loa, micro, ...)
- Trang bị sinh phẩm tuberculin để phục vụ cho việc học thực hành của sinh viên.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TM. BỘ MÔN



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*



PGS. TS. *Trần Quang Phục*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DA LIỄU

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số học trình: 2 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01
Phân bố thời gian: 60 tiết Lý thuyết: 15 Thực hành: 45
Đối tượng sinh viên: CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG TẠI CHỨC (VỪA HỌC VỪA LÀM)

II. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- Ths. Nguyễn Văn Hà
- Ths. Nguyễn Thị Liên
- Ths. Đào Minh Châu
- Bs. Nguyễn Thị Thanh Thanh Huyền
- Bs. Nguyễn Thị Lệ Thủy

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học cơ bản của một số bệnh da liễu thường gặp
2. Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh Da liễu thường gặp
3. Nhận định được các nhu cầu chăm sóc chính của một số bệnh Da liễu thường gặp
4. Lập được kế hoạch chăm sóc cho một số bệnh Da liễu thường gặp
5. Tư vấn phòng bệnh được một số bệnh Da liễu thường gặp

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Sinh lý da, Thương tổn cơ bản. Lập KHCS BN Da liễu	1	5
2	Bệnh eczema và chăm sóc	2	5
3	Bệnh vẩy nến và chăm sóc	2	5
4	Nhiễm độc da dị ứng thuốc và chăm sóc	2	5
5	Bệnh Phong và chăm sóc	2	4
6	Bệnh Zona và chăm sóc	2	5
7	Bệnh lậu và chăm sóc	1	4
8	Bệnh giang mai và chăm sóc	1	4
9	Bệnh ghẻ, bệnh chốc và chăm sóc	1	4
10	Bệnh nấm da và chăm sóc	1	4
	Tổng	15	45

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1 Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: thực tập tại bệnh viện, dạy học bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên nghe giảng trên lớp và trao đổi, thuyết trình theo chủ đề, thảo luận nhóm
- Khi thực hành lâm sàng, sinh viên hỏi bệnh, khám bệnh, làm bệnh án lập kế hoạch chăm sóc để trình bày ca lâm sàng, thảo luận nhóm
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

VI. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình Bài Giảng Chăm Sóc Bệnh Da liễu do Bộ Môn biên soạn theo chương trình của Dự án Hà Lan

6.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình bệnh Da và hoa liễu – Học Viện Quân Y
- Da liễu học – Nhà xuất bản giáo dục
- Hướng dẫn sử dụng kháng sinh – Bộ Y Tế
- Miễn dịch học – Nhà xuất bản Y học
- Chuyên đề dị ứng học – Nhà xuất bản Y học
- Fitzpatrick's Clinical Dermatology.

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Kiểm tra – đánh giá ban đầu:** Thăm hỏi, phát vấn
- **Kiểm tra – đánh giá trong quá trình:** Tham gia học tập trên lớp và thực hành đầy đủ tại bệnh viện, chuẩn bị bài tốt theo yêu cầu, tích cực trong hoạt động thảo luận nhóm và trên lớp

Sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá ban đầu và trong quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần

- Kiểm tra – đánh giá kết thúc học phần:

-Thực hành: hỏi thi lâm sàng

-Lý thuyết: thi viết

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: $TKHP = (LT+TH)/2$

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT

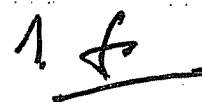
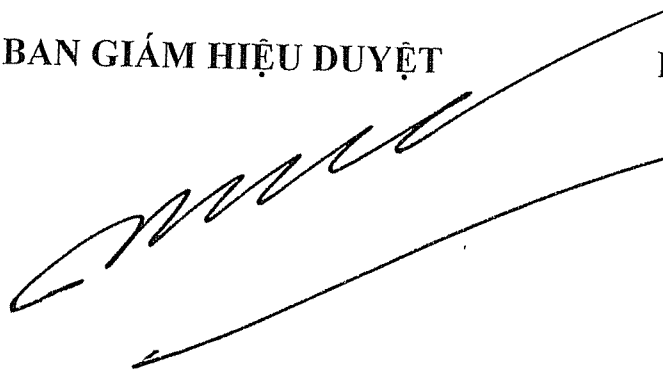
- lí thuyết: Giảng đường , máy chiếu...

-Thực hành: Phòng thực hành: khoa Da liễu bệnh viện Đại học Y Hải Phòng,
khoa Da liễu bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp

Tài liệu tranh, ảnh, mô hình giải phẫu da và các bệnh Da liễu thường gặp

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thà

này đều nằm ở những vị trí sâu và kín đáo, rất khó đánh giá cũng như hình dung được bệnh lý nếu không được quan sát trực tiếp. Ngày nay, nhờ vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống khám nội soi và các hệ thống chẩn đoán hình ảnh hiện đại, nên sinh viên, học viên được quan sát những hình ảnh hết sức trực quan sinh động, giúp cho việc nắm bắt được các kiến thức dễ dàng hơn.

3. Mục tiêu của học phần

- Nắm được kiến thức giải phẫu và sinh lý cơ bản các cơ quan Tai Mũi Họng.
- Nắm được cách khám, các thao tác khám và hình ảnh giải phẫu bình thường.
- Nắm được triệu chứng lâm sàng, hình ảnh tổn thương bệnh học của một số bệnh cơ bản chuyên khoa Tai Mũi Họng.
- Chẩn đoán được các vấn đề cần chăm sóc trong bệnh lý thông thường của Tai Mũi Họng, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc.

4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Tên bài	Số tiết	
		Lý thuyết	Lâm sàng
1	Khám tai mũi họng thông thường	1	2
2	Vấn đề V.A	1	2
3	Viêm amidan	1	2
4	Viêm mũi	1	2
5	Viêm xoang	1	2
6	Viêm tai giữa cấp mủ ở trẻ em	1	2
7	Viêm xương chũm	2	2
8	Viêm thanh quản	1	2
9	Dị vật đường ăn	1	2
10	Dị vật đường thở	1	
11	Chảy máu mũi	1	2
12	Ung thư vòm mũi họng	1	
13	Ung thư thanh quản	1	
14	Chấn thương tai mũi họng	1	
15	Viêm tai giữa mủ nhày (đọc thêm)		
	Tổng	15	20

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết:

- + Thuyết trình.
- + Thảo luận nhóm.

- Lâm sàng:

- + Ca lâm sàng
- + Giảng đầu giường
- + Thảo luận nhóm
- + Bình bệnh án

5.2. Phương pháp học và tự học

- **Lên lớp:** sinh viên lên lớp nghe giảng (sau khi đã tự học với nội dung bài giảng qua tài liệu được cung cấp), trao đổi thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên, trao đổi trực tiếp với giảng viên về nội dung bài giảng.

- **Thực tập lâm sàng:** sinh viên quan sát các ca bệnh trong phòng khám và phòng bệnh, đối chiếu với lý thuyết, trao đổi thảo luận nhóm, trao đổi tìm hiểu ca bệnh với bác sỹ điều trị và điều dưỡng của khoa. Giảng viên đưa ra ca lâm sàng phù hợp với trình độ sinh viên và nội dung học để sinh viên thảo luận nhằm nắm được bài học.

- **Sinh viên tự học:** sinh viên phải đọc tài liệu trước khi lên lớp lý thuyết và thực hành lâm sàng, tự học theo tranh ảnh, trên mô hình, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Sách Bài giảng Tai Mũi Họng của Bộ môn Tai Mũi Họng - Đại học Y Dược Hải Phòng.

- Sách Bài giảng điều dưỡng Tai Mũi Họng (lưu hành nội bộ) – Bộ môn Tai Mũi Họng – Đại học Y Dược Hải Phòng.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. F. Legent, P. Narcy, A. Beauvillian, P. Bordure (2003), *ORL Pathologie cervico – facial* 6^e edition, Masson.

2. Võ Tấn (1990), *Tai mũi họng thực hành Tập 2, 3*, NXB Y học, Hà Nội.

3. Vũ Văn Sản (1993), *Cẩm nang Tai mũi họng*, (Bản dịch từ sách của Likhachev A.G.), NXB Y học, Hà Nội.

4. Vũ Văn Sản (2003), *Viêm mũi dị ứng và Viêm mũi vận mạch*, NXB Y học, Hà Nội.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá ban đầu

Hình thức: Trước mỗi bài giảng đặt 1 số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt được trước khi học môn tai mũi họng như giải phẫu, sinh lý.

7.2. Đánh giá trong quá trình

Hình thức: theo dõi thái độ học tập, hoạt động nhóm và mức độ chuyên cần của sinh viên.

7.3. Đánh giá kết thúc học phần

7.3.1. Kiểm tra phần lâm sàng

Yêu cầu sinh viên phải đảm bảo tham gia >95% số giờ học lâm sàng. Đánh giá kiến thức của sinh viên qua các hình thức sau:

- Bệnh án lâm sàng.
- Kiểm tra tình huống lâm sàng.
- Kiểm tra kỹ năng lâm sàng.

7.3.2. Kiểm tra lý thuyết

Sinh viên đạt ở phần thi lâm sàng mới được dự thi lý thuyết. Đánh giá kiến thức của sinh viên qua các hình thức:

- Thi test.

- Thi tự luận.
- Hỏi thi vấn đáp.

7.3.3. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức

$$TKHP = \frac{(LT+LS)}{2}$$

Trong đó: TKHP: là điểm tổng kết học phần

LT: là điểm thi lý thuyết

LS: là điểm thi lâm sàng

Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, do hai giảng viên chấm, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế 43.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng, bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên.

- Học phần lâm sàng: khoa Tai mũi họng Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, khoa Tai mũi họng Bệnh viện trẻ em Hải Phòng với các dụng cụ, thiết bị thăm khám, điều trị bệnh bệnh lý tai mũi họng.

Giáo vụ



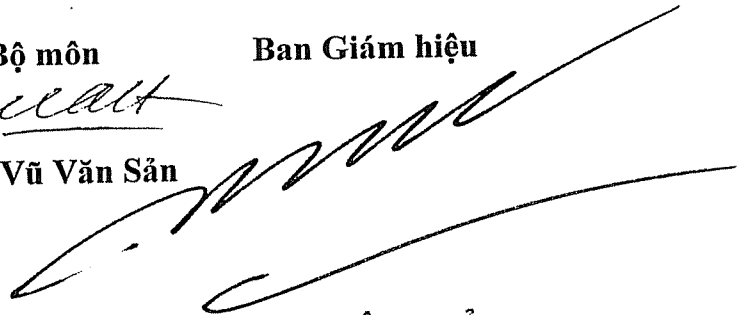
Ths. Phùng Thị Vân Anh

Trưởng Bộ môn



PGS.TS. Vũ Văn Sản

Ban Giám hiệu



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC MẮT
(Cử nhân Điều dưỡng hệ vừa học vừa làm)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số học phần: 1

Số ĐVHT: 2

Lý thuyết: 1

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60

Lý thuyết: 15

Thực hành: 45

Đối tượng sinh viên: Điều dưỡng

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mắt

Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Ths. Nguyễn Văn Được: Phó trưởng phụ trách Bộ môn
- Ths. Nguyễn Thị Thu Trang: Giáo vụ
- PGS.TS. Khúc Thị Nhụ: Nguyên trưởng Bộ môn
- Ths. Trương Khánh Mỹ Hằng: Giảng viên
- Bs. Bùi Thị Dịu: Giảng viên

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cấu trúc giải phẫu và sinh lý mắt, liên quan giữa giải phẫu và lâm sàng, chẩn đoán chăm sóc được một số bệnh mắt thường gặp, hướng dẫn cho người bệnh biết tự tra thuốc, đề phòng một số bệnh nhãn khoa thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được cấu trúc giải phẫu, sinh lý mắt, liên quan giữa giải phẫu và lâm sàng

2. Chẩn đoán chăm sóc được một số bệnh mắt thường gặp và ra quyết định, điều trị những dấu hiệu triệu chứng chăm sóc phù hợp
3. Hướng dẫn được cho người bệnh biết tự tra thuốc, đề phòng các tật khúc xạ, chấn thương và bỏng mắt trong cộng đồng.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài học	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Sơ lược giải phẫu và sinh lý mắt	02	04
2	Những đặc điểm trong công tác điều dưỡng mắt	01	02
3	Phương pháp khám mắt	01	02
4	Phương pháp đo thị lực, chỉnh kính	01	04
5	Chăm sóc người bệnh viêm mống mắt thể mi	1.5	04
6	Chăm sóc người bệnh viêm loét giác mạc	1.5	04
7	Chăm sóc người bệnh chích chấp, lệo	01	04
8	Chăm sóc người bệnh chấn thương-bỏng mắt	01	04
9	Chăm sóc người bệnh Glôcôm	1.5	04
10	Chăm sóc người bệnh viêm kết mạc	01	03
11	Các XNCB trong Nhãn khoa	01	06
12	Chăm sóc BN mổ đục T3	1.5	04
	Tổng số	15	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Học lý thuyết tại:

- Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Giảng đường khoa mắt bệnh viện Đại học Y.
- Phương pháp giảng dạy: Trình chiếu, phân viết bảng.

5.2. Học lâm sàng tại:

- Khoa Mắt Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.
- Khoa Mắt Bệnh viện Việt Tiệp
- Phương pháp: Ca lâm sàng.

6. Tài liệu học tập

1. Bài giảng lý thuyết CNĐD chuyên ngành Mắt do Bộ môn biên soạn.
2. Nhãn khoa thực hành: Dự án Việt Nam-Hà Lan có chỉnh sửa năm 2012
3. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên nhãn khoa. Ban hành kèm theo Quyết định số 3906/QĐ-BYT ngày 12 tháng 10 năm 2012.
4. Thực hành nhãn khoa. NXB Y học 2002.

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ


- Lượng giá trước học phần: GV đặt các câu hỏi nhỏ
- Lượng giá trong quá trình học: câu hỏi, tình huống lâm sàng
- Kiểm tra lí thuyết: 01 bài tự luận 60 phút.
- Điểm kết thúc học phần là điểm lý thuyết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

8.2. Thực hành: Khoa Mắt bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Khoa Mắt bệnh viện Việt Tiệp với trang thiết bị khám chữa bệnh, giảng dạy phù hợp với nội dung bài giảng.

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN


Nguyễn Văn Diêu

HIỆU TRƯỞNG


HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chức

HỌC PHẦN RĂNG HÀM MẶT THEO NIÊN CHẾ CHO ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU DƯỠNG

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

1. Mã số: 08

1. Số đơn vị học trình: 2 Lý thuyết: 01 Thực hành : 01

2. Số tiết học: 60 Lý thuyết: 15 Thực hành : 45

3. Số lần kiểm tra: 01 Số chứng chỉ: 01

4. Đối tượng sinh viên : Cử nhân điều dưỡng đa khoa

5. Học phần tiên quyết : Các môn cơ sở, nội, ngoại, sản, nhi

6. Học phần học song hành : Mắt, Tai mũi họng

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Nội dung bao gồm giới thiệu những bệnh phổ biến nhất trong chuyên ngành RHM và những dị tật bẩm sinh, chấn thương vùng hàm mặt, ung thư và các khối u lành tính vùng hàm mặt. Mỗi bệnh đều có giới thiệu về cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và đặc biệt là nguyên tắc dự phòng. Mối liên quan đến bệnh lý vùng đầu mặt cổ cũng như toàn thân.

III. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức : trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh phổ biến nhất trong chuyên ngành RHM.
- Thái độ : Không tách bệnh lý ở một vùng ra khỏi bệnh lý chung của toàn bộ cơ thể. Đề cao vai trò công tác dự phòng trong phòng chống bệnh sâu răng, viêm lợi, ung thư đầu mặt cổ.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị và nguyên tắc dự phòng các bệnh lý RHM thường gặp.

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
-----	---------	-------------------	-------------------

1.	Những nhu cầu chăm sóc	2	6
2.	Những công việc phụ tá cho bác sỹ trong điều trị bệnh lý thuộc chuyên ngành răng hàm mặt	2	6
3.	Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân sâu răng	2	6
4.	Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm tủy răng	2	6
5.	Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm quanh cuống răng	2	6
6.	Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm lợi	2	6
7.	Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân chấn thương phần mềm vùng hàm mặt	1	3
8.	Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân chấn thương xương vùng hàm mặt	1	3
9.	Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm quanh răng	1	3
	Tổng	15	45

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

1. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết : Thuyết trình
- Thực hành : Giảng lý thuyết lâm sàng
 - Giảng theo case lâm sàng
 - Thảo luận nhóm
 - Thực hành trên mô hình và bệnh nhân
 - Đóng vai
 - Nghiên cứu trường hợp

2. Phương pháp học, tự học

- Tự học : chuẩn bị nội dung theo yêu cầu giảng viên, dựa trên tài liệu giảng viên gợi ý, tự tìm tòi trước khi lên lớp. Giảng viên sẽ giải thích tất cả thắc mắc, làm rõ thêm, sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm kiểm tra yêu cầu môn học

- Khi thực tập lâm sàng : sinh viên tự thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên

VI. LƯỢNG GIÁ

1. Lượng giá ban đầu : thăm hỏi, phỏng vấn sinh viên.
 2. Lượng giá trong quá trình : theo dõi sĩ số, đánh giá thái độ học tập.
 3. Lượng giá kết thúc : lượng giá ban đầu và lượng giá trong quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi : tham gia 90% giờ giảng lý thuyết, 95% giờ giảng thực hành
 - Điểm thi áp dụng thang 10
 - Hình thức thi lý thuyết : Thi viết cải tiến
 - Hình thức thi thực hành : Vấn đáp

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

- Giáo trình do khoa biên soạn
- Điều dưỡng nha khoa, NXB Y học 2016 – Bộ môn phẫu thuật hàm mặt, khoa Răng Hàm Mặt, Đại học Y Dược Hải Phòng.

VIII. TÊN BỘ MÔN CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

Khoa Răng hàm mặt

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết : phòng học với máy chiếu, đầy đủ bàn ghế, mic nói, bảng viết, phấn.
- Thực hành : phòng thực hành với ghế máy nha khoa, dụng cụ và vật liệu nha khoa.

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Liệu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM THẦN NĂM HỌC 2014-2015

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số đơn vị học trình: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Số tiết học: Lý thuyết: 15 tiết Thực hành: 30 tiết

Đối tượng sinh viên: CNĐD tại chức

Số lần kiểm tra: 01

Số chứng chỉ: 01

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm thần

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

1. PGS.TS. Phạm Văn Mạnh
2. Ths. Nguyễn Quang Đại
3. Ths. Vương Thị Thủy
4. Bs Lê Sao Mai
5. Bs Trịnh Quốc Việt

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Sức khỏe tâm thần là trạng thái tâm thần hoàn toàn thoải mái, khỏe mạnh, không có các rối loạn hay dị tật tâm thần.

Việc chăm sóc sức khỏe tâm thần là vô cùng quan trọng. Nếu không biết cách vệ sinh, chăm sóc sức khỏe tâm thần có thể dẫn đến một số rối loạn tâm thần, ảnh hưởng đến cuộc sống của người bệnh.

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần, các nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ có thể ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần. Hướng dẫn sinh viên nhận biết một số rối loạn tâm thần thường gặp, các biện pháp chăm sóc, theo dõi, quản lý bệnh tâm thần tại cộng đồng.

Việc học tập của sinh viên dựa vào giáo trình của bộ môn kết hợp với tìm hiểu thông tin trên internet và tài liệu dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Các kiến thức về khoa học hành vi, y học xã hội và nhân học y học sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn, sâu hơn khi học học phần này.

Nội dung học phần gồm:

Phần 1: Các triệu chứng và hội chứng rối loạn tâm thần

Phần 2: Chăm sóc một số bệnh tâm thần thường gặp

Phần 3: Chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần đạt được các mục tiêu sau:

1. Phát hiện được các rối loạn tâm thần thường gặp trong cộng đồng.
2. Phụ giúp bác sỹ và làm được một số liệu pháp chữa bệnh tâm thần thường gặp
3. Lập được kế hoạch chăm sóc, theo dõi, quản lý, tư vấn bệnh nhân tâm thần

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

stt	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Đại cương tâm thần học	2	
	Các triệu chứng và hội chứng rối loạn tâm thần	3	10
2	Các rối loạn tâm thần thực tổn và các rối loạn liên quan tới stress	4	8
3	Các phương pháp chữa bệnh tâm thần	2	4
4	Theo dõi chăm sóc bệnh nhân tâm thần	3	6
6	Giáo dục sức khỏe tâm thần	1	2

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: thuyết trình, tình huống lâm sàng, thảo luận nhóm
- Thực hành lâm sàng: cho sinh viên thăm khám bệnh nhân tại khoa phòng, hướng dẫn lâm sàng, trình bày ca lâm sàng

2. Phương pháp học:

- Sinh viên chuẩn bị bài và đọc các bài lý thuyết trước, lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên

- Khi thực tập lâm sàng: thăm khám bệnh, làm bệnh án, trình bày ca lâm sàng, thảo luận với giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: sinh viên tìm hiểu thông tin, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giáo viên sau đó trình bày, báo cáo, thảo luận giữa các nhóm sinh viên và với giảng viên

VI. TÀI LIỆU DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do bộ môn cung cấp: Tập bài giảng dành cho đối tượng Cử nhân điều dưỡng.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Điều dưỡng bệnh tâm thần và sức khỏe tâm thần//biên tập Ruth Elder, Katie Evans, Debra Nizette. NXB Elsevier Australia. (do công ty dịch thuật Galaxy, TP HCM dịch)
2. Bệnh học và chăm sóc truyền nhiễm thần kinh tâm thần / Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. - H. : Y học, 1995. - 278 tr.; 24 cm
3. Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu, NXB Y học,

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. Đánh giá ban đầu:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các tiết học theo quy định của nhà trường.
- Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên các kiến thức của các chuyên ngành liên quan. ...

2. **Đánh giá quá trình:** thông qua thái độ học tập, hoạt động nhóm của sinh viên, lập kế hoạch chăm sóc.

3. **Đánh giá cuối môn học:** Đánh giá kế hoạch chăm sóc

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, tài liệu, vở bút.

Trang thiết bị thực hành lâm sàng: quần áo blouse bảo hộ lao động và các vật dụng khác phù hợp với nội dung từng bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

PHẠM VĂN MẠNH

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chiến*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRUYỀN NHIỄM

ĐỐI TƯỢNG: ĐIỀU DƯỠNG TẠI CHỨC NĂM 2014 - 2015

SỐ ĐVHT: 2 (1/1) – Số tiết: 60 (15/45)

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Trình bày được các đặc điểm dịch tễ học cơ bản của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp
2. Nêu được các biểu hiện lâm sàng và xét nghiệm của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp
3. Trình bày được nguyên tắc điều trị và phòng bệnh của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp
4. Lập được kế hoạch chăm sóc cho một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.

II. NỘI DUNG

TT	TÊN BÀI HỌC	TIẾT GIẢNG		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	HIV/AIDS	4	10	14
2	Tả	1	1	2
3	Viêm gan do vi rút	3	10	13
4	Viêm màng não	2	6	8
5.	Quai bị	1	4	5
6.	Cúm	1	4	5
7.	Thủy đậu	1	4	5
8.	Sốt xuất huyết Dengue	2	6	8
		15 tiết	45 tiết	60

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Lý thuyết: Tổ chức dạy học tại giảng đường trường hoặc giảng đường bệnh viện giảng
 - Thuyết trình
 - Áp dụng phương pháp dạy học tích cực:

- + Thảo luận nhóm
- + Đóng vai
- + Nghiên cứu tình huống

2. Thực hành: Tại bệnh viện

- Phân tích ca lâm sàng cụ thể
- Học lâm sàng theo từng nhóm nhỏ, giao ban hàng ngày...

IV. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

1. Kiểm tra, đánh giá ban đầu:

Hỏi và lượng giá kiến thức SV các môn học có liên quan trước đó.

2. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình học:

- Chuyên cần: Mức độ tham gia học tập trên lớp, thực hành tại Bệnh viện (Số điểm danh, số trực, bệnh án học tập từng tuần..)
- Thái độ trong học tập, mức độ tham gia các hoạt động thảo luận khi học lâm sàng.

Kiểm tra đánh giá ban đầu và kiểm tra, đánh giá quá trình học là điều kiện xét thi kết thúc học phần

3. Kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần:

- Điều kiện: Tham gia > 90 % các buổi học lý thuyết và lâm sàng.
- Thi thực hành: Bốc bệnh án và thi vấn đáp, phân tích ca lâm sàng ngẫu nhiên
- Thi lý thuyết: Tự luận (trắc nghiệm)
- Điểm áp dụng thang điểm 10.

V. PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Bảng 6. PHÂN CÔNG DẠY HỌC ĐIỀU DƯỠNG TẠI CHỨC (1LT, 1 LS)

Giảng viên	Tên bài lý thuyết	Số tiết
Ths. Bs. Phạm Thị Vân Anh	2 bài	5 tiết
	HIV/AIDS	4
	Tả	1
Ths.Bs. Trần Thị Liên	2 bài	4 tiết

	Viêm gan do vi rút	3
	Cúm	1
Hoàng Thị Thía	2 bài	3 tiết
	Viêm màng não	2
	Quai bị	1
Nguyễn Thị Phương	1 bài	2 tiết
	Sốt xuất huyết Dengue	2
Trần Thị Thoa	1 bài	1 tiết
	Thủy đậu	1
Tổng số	8 bài	15 tiết

VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm, ĐHYD TP Hồ Chí Minh năm 2006
2. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm ĐHY Hà Nội. Nhà xuất bản Y Học năm 2011
3. Bài giảng Truyền Nhiễm. Bùi Đại
4. Bệnh Học Truyền Nhiễm. Học Viện Quân Y. Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân
5. Mandell, Douglas and Bennett's Principles and Practice of Infectious Diseases: 2-Volume Set, 8E 8th edition.
6. <https://www.uptodate.com/home>

Hải Phòng, ngày 10 tháng 7 năm 2014

BAN GIÁM HIỆU

PT BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chiến*

Phạm Thị Việt Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG
VÀ NGHIÊN CỨU ĐIỀU DƯỠNG
ĐỐI TƯỢNG: Cử nhân Điều dưỡng vừa học vừa làm
Năm học: 2015 - 2016

I. THÔNG TIN MÔN HỌC:

Mã số: Số ĐVHT: 3 (2/1)
Số học phần: 1 Số tiết: 60 (34/26)
Số chứng chỉ: 1

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

1. Trình bày được bộ máy quản lý điều dưỡng các cấp
2. Phân biệt được chức năng, nhiệm vụ các cấp điều dưỡng.
3. Trình bày và phân tích được các nguyên tắc quản lý, kỹ năng quản lý.
4. Tổ chức được cuộc họp và giải quyết được những vấn đề đề xuất
5. Trình bày được nội dung quản lý nhân lực và vật tư tài sản.
6. Mô tả và thực hành ứng dụng được các bước trong nghiên cứu điều dưỡng

III. NỘI DUNG:

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	Đại cương về quản lý, quản lý điều dưỡng	1	
2	Tổ chức ngành điều dưỡng	1	
3	Các mô hình phân công chăm sóc	1	2
4	Chức trách, nhiệm vụ của người quản lý điều dưỡng, điều dưỡng viên	1	
5	Phân tích hiện trạng và kỹ năng lập kế hoạch	2	4
6	Các phong cách lãnh đạo, quản lý	2	2

7	Những phẩm chất lãnh đạo hiệu quả	2	
8	Quản lý dựa vào kết quả	1	2
9	Phương pháp giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn	1	2
10	Kỹ năng giám sát	1	2
11	Quản lý nhân lực	1	2
12	Quản lý vật tư, trang thiết bị y tế	1	2
13	Tổ chức cuộc họp	1	2
14	Quản lý buồng bệnh, thường quy đi buồng	1	
15	Quản lý chất thải y tế	1	
16	Đại cương và vai trò của nghiên cứu trong thực hành điều dưỡng	2	
17	Xác định và chọn ưu tiên nghiên cứu	2	2
18	Phương pháp phân tích và khẳng định vấn đề nghiên cứu	2	2
19	Các biến số trong nghiên cứu	2	2
20	Các phương pháp nghiên cứu	2	
21	Đề cương nghiên cứu khoa học	2	4
Tổng		30	30

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy

* **Lý thuyết:** thuyết trình, thảo luận nhóm, tổ chức dạy học tại trường.

- Áp dụng phương pháp dạy-học tích cực:

+ Thảo luận nhóm, đóng vai, nghiên cứu tình huống.

* **Thực hành::**

+ Tại bệnh viện: Giải thích, minh họa, lập sơ đồ tổ chức và sơ đồ chức năng điều dưỡng.

+ Tại phòng thực hành: thảo luận nhóm, đóng vai, bài tập tình huống .

2. Phương pháp học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Khi thực hành tại bệnh viện: quan sát công tác quản lý điều dưỡng của điều dưỡng trưởng, học cách ghi chép các loại sổ sách của điều dưỡng, trong khoa, viết bài thu hoạch.

IV. CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

- BM Điều dưỡng Cộng đồng - Khoa Điều dưỡng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- TS. Thái Lan Anh: Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng – Khoa Điều dưỡng
- ThS. Bùi Thị Thanh Mai: Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng – Khoa Điều dưỡng
- ThS. Phạm Thị Thu: Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng – Khoa Điều dưỡng
- CN. Phạm Thị Thu Hương: BM Điều dưỡng Người lớn – Khoa Điều dưỡng

V. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Quản lý điều dưỡng 03 - SIDA - Bộ Y tế và NXBYH, 1996
- Tập bài giảng Quản lý điều dưỡng và nghiên cứu khoa học, tài liệu do bộ môn biên soạn, bộ môn điều dưỡng cộng đồng – khoa điều dưỡng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

2. Tài liệu tham khảo

- Các kỹ năng quản lý_Hội Điều dưỡng Việt Nam, Hà Nội (2012).
- Quản lý và lãnh đạo hiệu quả - Hội Điều dưỡng Việt Nam, 2012.
- Quản lý Điều dưỡng dùng cho đào tạo Cử nhân điều dưỡng/Lê Văn An, tái bản lần thứ nhất_H. Y học 2012.
- Tài liệu quản lý Điều dưỡng_H:Y học (2004).
- Quản lý điều dưỡng _Bộ Y tế_Vụ khoa học và đào tạo, H:Y học (1996).

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. **Đánh giá ban đầu:** Đặt câu hỏi – sinh viên trả lời

2. **Đánh giá quá trình:**

- *Chuyên cần:* tham gia học trên lớp đầy đủ, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà.

- *Kiểm tra thường xuyên:* đánh giá quá trình

3. **Đánh giá hết môn:** + Lý thuyết: tự luận

* Công thức tính điểm học phần như sau: $TKHP = (LT + TH)/2$

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. **Lý thuyết:** Giảng đường, phấn, bảng, máy chiếu, micro, loa đài, máy tính.

2. **Thực hành:** Vật liệu dạy học: Phòng thực hành, giấy A0, Bút dạ.

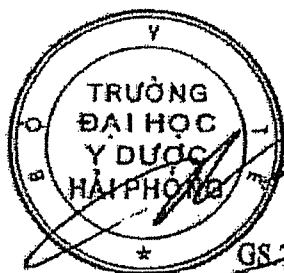
TRƯỞNG KHOA/
TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Thái Lan Anh

GIÁO VỤ BỘ MÔN

Bùi Thị Thanh Mai

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*